

Nghệ An, ngày 02 tháng 4 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
- Mã chứng khoán: HNA
- Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 02383.588.766 Fax: 02383.588.767
- E-mail: vanthuhhc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Thông báo mời họp và Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/4/2024 tại đường dẫn: <https://huana.com.vn/?n=24/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu gửi kèm:

- Thông báo mời họp và Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
TV HĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

Số: 242/TB-HHC-HDQT

Nghệ An, ngày 02 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na


Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hũa Na trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cụ thể như sau:

- Thời gian:** 08h00' thứ 4, ngày 24 tháng 4 năm 2024 (tiếp đón từ 7h15')
- Địa điểm:** Hội trường Vinh Doanh, Tầng 3, Khách sạn Mường Thanh Luxury Sông Lam, số 13 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Đối tượng tham dự:** Tất cả các Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 22/3/2024 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.
- Nội dung chương trình đại hội:**
 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty;
 - Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
 - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát Công ty;
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023;
 - Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2024;
 - Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;
 - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;

- Tờ trình về việc thông qua chủ trương chấp thuận dùng các tài sản: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị động sản thuộc Nhà máy thủy điện Hòa Na để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng.
- 5. **Tài liệu liên quan đến Đại hội:** Chương trình Đại hội chi tiết, các tài liệu và biểu mẫu phục vụ Đại hội được đăng tải trên Website của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na theo địa chỉ: <http://huana.com.vn> tại mục Quan hệ cổ đông.
- 6. **Đăng ký tham dự đại hội:**
 - Để thuận lợi cho công tác tổ chức, kính đề nghị quý cổ đông gửi Giấy đăng ký tham dự họp Đại hội bằng hình thức gửi thư hoặc fax hoặc gửi thư điện tử chậm nhất vào ngày 23/4/2024 theo địa chỉ:
Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na, Tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 02383.588.766; Fax: 02383.588.767
Thư điện tử: vanthuhhc@gmail.com
 - Cổ đông khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân, Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền có đầy đủ chữ ký hợp lệ của người ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền).
Rất mong sự hiện diện đầy đủ của Quý cổ đông để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty thành công tốt đẹp./.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban điều hành Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

1. Bên ủy quyền:

- Tên cổ đông:.....
- Số CCCD/CMND/GPĐKKD:.....; Ngày cấp:.....
- Nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:....., Số fax:.....
- Đang sở hữu..... Cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na theo danh sách chốt ngày 22/3/2024.

2. Bên nhận ủy quyền:

- Họ và tên:.....
- Số CCCD/CMND..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....

Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na có tên dưới đây (đánh dấu “✓” để chọn):

- Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT
- Ông Bùi Huy Thành - Thành viên HĐQT, Giám đốc
- Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

- Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần.

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na tổ chức vào ngày 24/4/2024 và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na kết thúc.

....., ngày ... tháng năm 2024

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Tên cổ đông:.....

Số CCCD/CMND:....., Ngày cấp....., Nơi cấp.....

Số ĐKKD (đối với tổ chức):....., Ngày cấp.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:....., Số fax:.....

Hiện đang sở hữu (tính đến ngày 22/3/2024) cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Bằng văn bản này, tôi đăng ký tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na được tổ chức vào ngày 24/4/2024.

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội./.

....., ngày tháng năm 2024

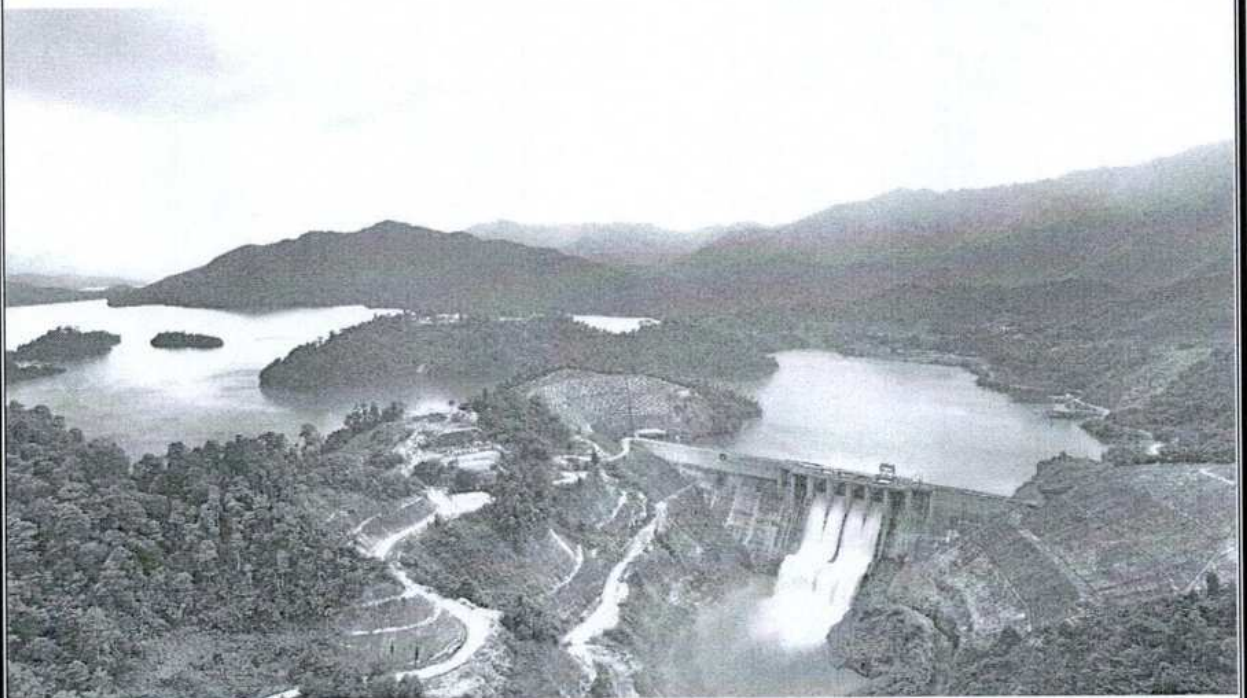
CỔ ĐÔNG
(Ký tên/đóng dấu)



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



Nghệ An, tháng 4 năm 2024



DANH MỤC
TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Thời gian: Thứ 4, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Địa điểm: Hội trường Vinh Doanh, Tầng 3, Khách sạn Mường Thanh Luxury Sông Lam, số 13 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

| STT | Tên tài liệu | Ghi chú |
|-----|---|---------|
| 1 | Chương trình Đại hội | |
| 2 | Quy chế Tổ chức đại hội; Thẻ lệ biểu quyết | |
| 3 | Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Hội đồng quản trị | |
| 4 | Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 | |
| 5 | Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 | |
| 6 | Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 | |
| 7 | Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2024 | |
| 8 | Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát | |
| 9 | Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 | |
| 10 | Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. | |
| 11 | Tờ trình về việc thông qua chủ trương chấp thuận dùng các tài sản: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị động sản thuộc Nhà máy thủy điện Hòa Na để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng | |
| 12 | Phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông | |
| 13 | Dự thảo Nghị quyết | |



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Thời gian: Thứ 4, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Địa điểm: Hội trường Vinh Doanh, Tầng 3, Khách sạn Mường Thanh
Luxury Sông Lam, số 13 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

| Thời gian dự kiến | Nội dung chương trình | Thực hiện |
|---|---|------------------------------|
| 07h15~08h00 | - Tiếp đón và kiểm tra tư cách cổ đông | Ban Tổ chức |
| 08h00~08h15 | - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông | Ban kiểm tra tư cách cổ đông |
| | - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời | Ban Tổ chức |
| | - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu | Ban Tổ chức |
| 08h15~08h30 | - Thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Thẻ lệ biểu quyết | Đoàn chủ tịch |
| 08h30~10h30 | Trình bày các Báo cáo, Tờ trình | |
| | - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Hội đồng quản trị | Đoàn chủ tịch |
| | - Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 | |
| | - Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 | Ban kiểm soát |
| | - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 | Đoàn chủ tịch |
| | - Tờ trình về việc Thông qua kế hoạch tài chính năm 2024 | |
| | - Tờ trình về việc Thông qua Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động năm 2024 của HĐQT, BKS | |
| | - Tờ trình về việc Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 | |
| | - Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 | |
| - Tờ trình về việc Thông qua chủ trương chấp thuận dùng các tài sản: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị động sản thuộc Nhà máy thủy điện Hủa Na để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng | | |

| Thời gian dự kiến | Nội dung chương trình | Thực hiện |
|--------------------------|---|------------------|
| 10h30~10h50 | - Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội; Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông | |
| 10h50~11h00 | - Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội (bằng phiếu biểu quyết) | |
| 11h00~11h30 | - Nghi giải lao và kiểm phiếu | Ban kiểm phiếu |
| | - Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết | |
| | - Thông qua Biên bản Đại hội | Tổ Thư ký |
| | - Bế mạc Đại hội | Đoàn chủ tịch |



TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2024

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng, Phạm vi áp dụng

- Quy chế này quy định điều kiện, thể thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na và quyền, nghĩa vụ của các bên tham dự Đại hội;
- Các cổ đông của công ty và các đối tượng tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự đại hội:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
2. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội:
 - Được thông báo mời họp qua thư mời được gửi đến địa chỉ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, tại website của Công ty (<http://huana.com.vn>). Tài liệu đại hội được đăng tải công khai trên website của Công ty và phát cho cổ đông tại Đại hội để xem xét và thảo luận trực tiếp tại Đại hội.
 - Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của Đại hội.
 - Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

3. Nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội.
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy Ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu) và Thư mời tham dự trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
- Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.
- Để thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội, cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự về Công ty theo địa chỉ và thời gian ghi trên Thư mời họp.
- Cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết,...
- Nghiêm túc chấp hành nội quy đại hội và tôn trọng kết quả Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử (Trưởng Ban kiểm soát làm trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông).
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện:
 - Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền đến dự họp: Giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu); Thư mời; Giấy ủy quyền (nếu có);
 - Phát tài liệu liên quan đến Đại hội cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền;
 - Báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội được chính thức tiến hành.
- Trường hợp người đến tham dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan đến Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:

- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội; Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, kiểm phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả trước đại hội.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả biểu quyết, bầu cử.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ trì, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ tọa điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua.
- Chủ tọa hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở công việc diễn biến có trật tự của cuộc họp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Ban thư ký

- Ban thư ký Đại hội được Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban thư ký thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tọa, cụ thể như sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự Đại hội đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 8. Biểu quyết tại Đại hội:

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định cụ thể tại “*Thế lệ biểu quyết*”.

Điều 9. Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của đại hội.
- Căn cứ kết quả tại Đại hội, chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 10. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 10 Điều được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tổ chức vào ngày 24/4/2024 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành



TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2024

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na. Để đảm bảo sự thành công của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

I. HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người được ủy quyền, người Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết. Cổ đông/người được ủy quyền khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức cung cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có in sẵn Tên cổ đông và số cổ phần sở hữu.

1. Thẻ biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết công khai tại Đại hội đối với các nội dung như: Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Nội dung chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế Đại hội; Thẻ lệ biểu quyết; Quy chế bầu cử của Đại hội; Biên bản - Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết 03 lần theo trình tự: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Ý kiến khác”**.

2. Phiếu biểu quyết:

- Đối với các nội dung khác cần lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội (trừ các nội dung đã nêu tại điểm 1) sẽ được cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Không có ý kiến”**, đối với từng nội dung trong Phiếu biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty, có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ, biểu quyết có đánh dấu lựa chọn chỉ vào 1 trong 3 ô đối với từng nội dung biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là: Phiếu không có đóng dấu treo của Công ty; Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ; Biểu quyết có đánh dấu lựa chọn vào nhiều hơn 1 ô đối với một nội dung biểu quyết hoặc không đánh dấu lựa chọn vào ô biểu quyết nào; Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa; Phiếu bị tách rời, không còn nguyên vẹn; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA

Các nội dung biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành

Số: 234/BC-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 04 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị năm 2023

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na (HĐQT) năm 2023 gồm 05 thành viên trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm (không điều hành) làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và 01 thành viên HĐQT độc lập.

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị:

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập | |
|-----|------------------|---------------------------------|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Hoàng Xuân Thành | Chủ tịch HĐQT | 19/4/2018; 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 | |
| 2 | Bùi Huy Thành | Thành viên HĐQT | 01/01/2023 | |
| 3 | Nguyễn Xuân Sơn | Thành viên HĐQT | 19/4/2018; 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 | |
| 4 | Lê Hải Long | Thành viên HĐQT không điều hành | 19/4/2018; 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 | |
| 5 | Vũ Văn Tâm | Thành viên HĐQT độc lập | 19/4/2018; 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 | |

Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm và thành viên HĐQT độc lập đều đang nắm giữ các cương vị lãnh đạo ở các Công ty và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh điện.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023.

Năm 2023, Hội đồng quản trị tiến hành 04 cuộc họp định kỳ hằng quý và ban hành 87 Nghị quyết, Quyết định, cụ thể: Ban hành 15 Nghị quyết và 72 Quyết định. Các Nghị quyết/Quyết định được ban hành tại các cuộc họp và theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên Hội đồng quản trị để quản lý, quản trị, điều hành hoạt động của Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

| TT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|--------------------------|------------|---|-----------------|
| 1 | 01/QĐ-HHC-HĐQT | 03/01/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2023 | 100% |
| 2 | 02/QĐ-HHC-HĐQT | 12/01/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2023 | 100% |
| 3 | 03/QĐ-HHC-HĐQT | 13/01/2023 | Chi quỹ thưởng Người quản lý Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 4 | 04/NQ-HHC-HĐQT | 16/01/2023 | Thông qua Chương trình công tác trọng tâm năm 2023 của HĐQT | 100% |
| 5 | 05/QĐ-HHC-HĐQT | 30/01/2023 | Kiện toàn Tổ thẩm định đề cương nhiệm vụ, dự án đầu tư, báo cáo KTKT, thiết kế, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu trong quá trình SXKD của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 6 | 06/QĐ-HHC-HĐQT | 01/02/2023 | Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |

| | | | | |
|----|----------------|------------|---|------|
| 7 | 07/QĐ-HHC-HĐQT | 01/02/2023 | Kiện toàn Tổ thị trường điện Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 8 | 08/QĐ-HHC-HĐQT | 10/02/2023 | Phê duyệt Định mức Kinh tế - Kỹ thuật Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2023 | 100% |
| 9 | 09/QĐ-HHC-HĐQT | 10/02/2023 | Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp trang thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên đợt 1 năm 2023 | 100% |
| 10 | 10/QĐ-HHC-HĐQT | 10/02/2023 | Phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu hiệu chỉnh và thử nghiệm hệ thống điều tốc và hệ thống kích từ Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 11 | 11/QĐ-HHC-HĐQT | 10/02/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cải tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển DCS; hiệu chỉnh và thử nghiệm kết nối hệ thống AGC | 100% |
| 12 | 12/QĐ-HHC-HĐQT | 14/02/2023 | Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 | 100% |
| 13 | 13/QĐ-HHC-HĐQT | 20/02/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cải tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển DCS; hiệu chỉnh và thử nghiệm kết nối hệ thống AGC Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 14 | 14/QĐ-HHC-HĐQT | 20/02/2023 | Phê duyệt kế hoạch sử dụng Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi năm 2023 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 15 | 15/NQ-HHC-HĐQT | 24/02/2023 | Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |

| | | | | |
|----|----------------|------------|--|------|
| 16 | 16/NQ-HHC-HĐQT | 24/02/2023 | Thông qua chủ trương thực hiện đăng ký giấy chứng nhận năng lượng tái tạo quốc tế cho Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 17 | 17/QĐ-HHC-HĐQT | 17/03/2023 | Phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Thanh thải hạ lưu, đào mở rộng mặt thoáng kênh xả hạ lưu Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 18 | 18/QĐ-HHC-HĐQT | 17/03/2023 | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán chi phí Giao đất, đo đạc thành lập bản đồ, hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các điểm TĐC | 100% |
| 19 | 19/QĐ-HHC-HĐQT | 17/03/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp trang thiết bị, CCDC, VTTB phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên đợt 1 năm 2023 | 100% |
| 20 | 20/QĐ-HHC-HĐQT | 29/03/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp trang thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên đợt 1 năm 2023 | 100% |
| 21 | 21/QĐ-HHC-HĐQT | 29/03/2023 | Phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng hạng mục Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vào đồng ruộng điểm TĐC Nậm Nui - Nậm Ke, xã đồng văn thuộc dự án thủy điện Hòa Na | 100% |
| 22 | 22/QĐ-HHC-HĐQT | 29/03/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Hiệu chỉnh và thử nghiệm hệ thống điều tốc và hệ thống kích từ Nhà máy | 100% |
| 23 | 23/NQ-HHC-HĐQT | 04/04/2023 | Thông qua chủ trương giới thiệu nhân sự đề bầu cử Thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------|------------|---|------|
| 24 | 24/QĐ/HHC-HĐQT | 10/04/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Hiệu chỉnh và thử nghiệm hệ thống điều tốc và hệ thống kích từ Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 25 | 01-2023/NQ-HHC-HĐQT | 20/04/2023 | Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý I năm 2023 của HĐQT | 100% |
| 26 | 25/QĐ/HHC-HĐQT | 20/04/2023 | Kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Kỷ luật Công ty | 100% |
| 27 | 28/QĐ/HHC-HĐQT | 21/04/2023 | Bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2023-2028 | 100% |
| 28 | 31/QĐ-HHC-HĐQT | 05/05/2023 | Phê duyệt và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng, phân xưởng trong Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 29 | 32/NQ-HHC-HĐQT | 05/05/2023 | Thông qua Chương trình công tác trọng tâm nhiệm kỳ 2023-2028 của HĐQT | 100% |
| 30 | 33/QĐ-HHC-HĐQT | 08/05/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thanh thải hạ lưu, đào mở rộng mặt thoáng mặt kênh xả hạ lưu nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 31 | 34/QĐ-HHC-HĐQT | 12/05/2023 | Phê duyệt và ban hành Quy chế thưởng an toàn của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 32 | 35/NQ-HHC-HĐQT | 16/05/2023 | Thông qua chủ trương giới thiệu nhân sự để bổ nhiệm cán bộ | 100% |
| 33 | 36/QĐ-HHC-HĐQT | 16/05/2023 | Thành lập Đoàn công tác thực hiện chương trình làm việc, giám sát của HĐQT | 100% |
| 34 | 38/QĐ-HHC-HĐQT | 16/05/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thanh thải hạ lưu, đào mở rộng mặt thoáng kênh xả hạ lưu Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 35 | 39/QĐ-HHC-HĐQT | 25/05/2023 | Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------|------------|--|------|
| | | | 30/6/2023 và kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | |
| 36 | 40/QĐ-HHC-HĐQT | 25/05/2023 | Phê duyệt lựa chọn đơn vị tư vấn đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 37 | 41/QĐ-HHC-HĐQT | 29/05/2023 | Phê duyệt bổ sung danh sách các Tổ chức tín dụng được Công ty lựa chọn để thực hiện tiền gửi | 100% |
| 38 | 42/QĐ-HHC-HĐQT | 31/05/2023 | Phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Nâng cấp, cải tạo hệ thống quan trắc thân đập Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 39 | 44/NQ-HHC-HĐQT | 31/05/2023 | Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 đợt 1 | 100% |
| 40 | 45/QĐ-HHC-HĐQT | 28/06/2023 | Phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động năm 2023 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thủy điện Hòa Na | 100% |
| 41 | 47/NQ-HHC-HĐQT | 03/07/2023 | Thông qua đăng ký niêm yết cổ phiếu HNA trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội | 100% |
| 42 | 48/QĐ-HHC-HĐQT | 19/07/2023 | Điều chỉnh mức tiền lương hàng tháng của Cán bộ quản lý chuyên trách Công ty | 100% |
| 43 | 49/QĐ-HHC-HĐQT | 19/07/2023 | Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2022 và kế hoạch lao động, tiền lương năm 2023 | 100% |
| 44 | 02-2023/NQ-HHC-HĐQT | 20/07/2023 | Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý II năm 2023 của HĐQT | 100% |
| 45 | 51/NQ-HHC-HĐQT | 20/07/2023 | Thông qua đăng ký niêm yết cổ phiếu HNA trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố HCM | 100% |
| 46 | 52/QĐ-HHC-HĐQT | 24/07/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Nâng cấp, cải tạo hệ thống quan trắc thân đập Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |

| | | | | |
|----|----------------|------------|---|------|
| 47 | 53/QĐ-HHC-HĐQT | 03/08/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Nâng cấp, cải tạo hệ thống quan trắc thân đập Nhà máy | 100% |
| 48 | 54/QĐ-HHC-HĐQT | 11/08/2023 | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hạng mục công trình hoàn thành một số hạng mục công trình năm 2021 | 100% |
| 49 | 55/QĐ-HHC-HĐQT | 17/08/2023 | Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Kè gia cố mương thoát nước khu vực Hàm phụ 2 và bậc thoát nước từ kho VTTB xuống đường VH4 | 100% |
| 50 | 56/QĐ-HHC-HĐQT | 22/08/2023 | Chi quỹ thưởng Người quản lý Công ty 6 tháng đầu năm 2023 | 100% |
| 51 | 57/QĐ-HHC-HĐQT | 29/08/2023 | Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp VTTB sửa chữa thường xuyên đợt 2 và VTTB dự phòng chiến lược năm 2023 | 100% |
| 52 | 58/QĐ-HHC-HĐQT | 14/09/2023 | Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Công ty giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 | 100% |
| 53 | 59/QĐ-HHC-HĐQT | 18/09/2023 | Phê duyệt phương án lựa chọn ngân hàng cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn và dự thảo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn | 100% |
| 54 | 60/QĐ-HHC-HĐQT | 18/09/2023 | Phê duyệt Phạm vi bảo hiểm, dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Bảo hiểm vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na thời hiệu 2023-2024 | 100% |
| 55 | 61/QĐ-HHC-HĐQT | 25/09/2023 | Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 56 | 62/QĐ-HHC-HĐQT | 05/10/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------|------------|---|------|
| | | | cấp VTTB sửa chữa thường xuyên đợt 2 và VTTB chiến lược năm 2023 | |
| 57 | 03-2023/NQ-HHC-HĐQT | 09/10/2023 | Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý III năm 2023 của HĐQT | 100% |
| 58 | 63/QĐ-HHC-HĐQT | 09/10/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Kè gia cố mương thoát nước khu vực Hàm phụ 2 và bậc thoát nước từ kho vật tư thiết bị xuống đường VH4 | 100% |
| 59 | 64/QĐ-HHC-HĐQT | 12/10/2023 | Phê duyệt Định mức Kinh tế - Kỹ thuật Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2024 | 100% |
| 60 | 65/QĐ-HHC-HĐQT | 12/10/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp VTTB sửa chữa thường xuyên đợt 2 và VTTB dự phòng chiến lược năm 2023 Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 61 | 66/QĐ-HHC-HĐQT | 18/10/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Kè gia cố mương thoát nước khu vực Hàm phụ 2 và bậc thoát nước từ kho VTTB xuống đường VH4 | 100% |
| 62 | 67/QĐ-HHC-HĐQT | 18/10/2023 | Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp VTTB phục vụ công tác sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2024 (tiểu tu) | 100% |
| 63 | 68/NQ-HHC-HĐQT | 20/10/2023 | Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 còn lại | 100% |
| 64 | 68/QĐ-HHC-HĐQT | 20/10/2023 | Thành lập đoàn công tác tại Trung Quốc | 100% |
| 65 | 69/QĐ-HHC-HĐQT | 25/10/2023 | Thành lập đoàn công tác tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào | 100% |
| 66 | 71/QĐ-HHC-HĐQT | 01/11/2023 | Phê duyệt phương án tính giá tham chiếu ngày đầu tiên cổ phiếu HNA giao dịch trên HOSE | 100% |

| | | | | |
|----|----------------|------------|--|------|
| 67 | 72/QĐ-HHC-HĐQT | 02/11/2023 | Phê duyệt và ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 68 | 73/QĐ-HHC-HĐQT | 07/11/2023 | Phê duyệt bổ sung dự toán chi phí mua xi măng thi công mặt đường của tuyến đường vào đồng ruộng điểm TĐC Nậm Nui - Nậm Ke, xã Đồng Văn thuộc dự án TĐ Hòa Na | 100% |
| 69 | 74/QĐ-HHC-HĐQT | 07/11/2023 | Thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 70 | 75/QĐ-HHC-HĐQT | 14/11/2023 | Phê duyệt chủ trương thuê đơn vị Tư vấn định giá tài sản; đánh giá kỹ thuật và hiệu quả đầu tư và Nhà máy thủy điện Nậm Non, tỉnh Nghệ An | 100% |
| 71 | 76/QĐ-HHC-HĐQT | 14/11/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo hiểm vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na thời hiệu 2023-2024 | 100% |
| 72 | 77/QĐ-HHC-HĐQT | 22/11/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo hiểm vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na thời hiệu 2023-2024 | 100% |
| 73 | 78/QĐ-HHC-HĐQT | 22/11/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung Hợp đồng mua bán xe ô tô 7 chỗ phục vụ công tác sản xuất kinh doanh Công ty | 100% |
| 74 | 79/QĐ-HHC-HĐQT | 23/11/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2024 (tiểu tu) | 100% |
| 75 | 80/QĐ-HHC-HĐQT | 24/11/2023 | Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Xây dựng đường giao thông và san tạo mặt bằng khu 3 | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------|------------|--|------|
| 76 | 81/QĐ-HHC-HĐQT | 24/11/2023 | Phê duyệt chủ trương trả nợ trước hạn các Hợp đồng tín dụng | 100% |
| 77 | 82/QĐ-HHC-HĐQT | 28/11/2023 | Phê duyệt và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 78 | 83/QĐ-HHC-HĐQT | 28/11/2023 | Phê duyệt và ban hành Quy chế sáng kiến của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 79 | 84/QĐ-HHC-HĐQT | 04/12/2023 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp trang thiết bị, phục vụ công tác sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na (tiểu tu) | 100% |
| 80 | 85/NQ-HHC-HĐQT | 04/12/2023 | Thông qua việc hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu HNA tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và phương án bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông | 100% |
| 81 | 86/QĐ-HHC-HĐQT | 06/12/2023 | Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty | 100% |
| 82 | 04-2023/NQ-HHC-HĐQT | 22/12/2023 | Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý IV năm 2023 của HĐQT | 100% |
| 83 | 87/QĐ-HHC-HĐQT | 26/12/2023 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng đường giao thông và san tạo mặt bằng khu 3 | 100% |
| 84 | 88/QĐ-HHC-HĐQT | 26/12/2023 | Tạm phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng an toàn thực hiện năm 2023 của cán bộ quản lý và Người lao động Công ty | 100% |
| 85 | 89/QĐ-HHC-HĐQT | 26/12/2023 | Tạm phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng an toàn thực hiện năm 2023 của cán bộ quản lý và Người lao động Công ty | 100% |
| 86 | 90/QĐ-HHC-HĐQT | 28/12/2023 | Chi quỹ thưởng Người quản lý công ty năm 2023 | 100% |
| 87 | 91/QĐ-HHC-HĐQT | 28/12/2023 | Tạm phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành phù hợp với các quy chế, quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty, kịp thời chỉ đạo, giám sát điều hành các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý.

Định kỳ hàng tháng hoặc bất thường, Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT điều hành đã thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng/Phân xưởng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo giải quyết, xử lý công việc trực tiếp tại cuộc họp.

Quản lý, quản trị chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT/ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị lấy ý kiến các thành viên/cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ/HĐQT kịp thời.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2023, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và nghiên cứu đầu tư các dự án mới.

- Quyết định, xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2023.

- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác vận hành nhà máy, công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý thiết bị, vật tư, nguồn nhân lực, ... đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao.

- Giao Ban Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp với các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, ... tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn, cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2023.

- Hội đồng quản trị đưa ra định hướng đúng, các giải pháp khoa học và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

3. Lương, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2023

3.1. Lương, thù lao, các khoản lợi ích.

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số tháng | Tổng thu nhập (VNĐ) |
|----|------------------|-------------------------|----------|----------------------|
| 1 | Hoàng Xuân Thành | CT HĐQT | 12 | 1.148.764.495 |
| 2 | Bùi Huy Thành | TV HĐQT, Giám đốc | 12 | 1.098.987.573 |
| 3 | Nguyễn Xuân Sơn | TV HĐQT, PGĐ | 12 | 1.067.795.747 |
| 4 | Lê Hải Long | TV HĐQT không điều hành | 12 | 137.111.111 |
| 5 | Vũ Văn Tâm | TV HĐQT độc lập | 12 | 137.111.111 |
| | TỔNG CỘNG | | | 3.589.770.037 |

3.2. Chi phí hoạt động

Tổng kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị là: 359.859.692 đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2023

1. Công tác sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ hoàn thành % |
|-----|--|----------|-------------------|--------------------|--------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6=5/4) |
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 645,79 | 587,50 | 91% |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 733,47 | 762,78 | 104% |
| 3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 572,09 | 513,57 | 90% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 161,38 | 249,21 | 155% |
| 5 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 8,07 | 12,69 | 157% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 153,31 | 236,52 | 154% |
| 7 | Nộp ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 173,77 | 174,15 | 100% |
| 8 | Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ | % | 6,86% | 10,6% | 155% |
| 9 | Giá điện bình quân (trước các thuế/phí) | đ/kWh | 984,96 | 1.127,14 | 114% |
| 10 | Giá điện bình quân sau các thuế, phí (trước VAT) | Đồng/kWh | 1.128,69 | 1.274,82 | 113% |

- Năm 2023 điều kiện thủy văn không mấy thuận lợi, gây nhiều khó khăn trong công tác vận hành, cụ thể mực nước thượng lưu hồ chứa tại thời điểm ngày 01/01/2023 đạt cao trình 237,16 (thấp hơn 2,84m so với mực nước dâng bình thường). Trong năm 2023, mùa khô hạn hán kéo dài đến 31/7, mùa mưa ngắn hơn từ 01/8 đến 31/10. Lưu lượng nước bình quân về hồ trong năm đạt khoảng 79,0m³/s, bằng 84% so với lưu lượng bình quân nhiều năm.

- Về sản lượng điện: Với tình hình thủy văn như trên, sản lượng điện thương mại trong năm đạt 587,50 triệu kWh, hoàn thành 91% so với kế hoạch.

- Doanh thu: Dự đoán được tình hình thủy văn diễn ra bất thường, chu kỳ thủy văn thay đổi trong năm nên nhà máy đã có chiến lược, tính toán chào giá chạy máy để khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, nên doanh thu thuần từ hoạt động bán điện (trước thuế, phí) đạt 661,99 tỷ đồng, cao hơn 89,75 tỷ đồng so với doanh thu nếu tính theo giá hợp đồng. Tổng doanh thu đạt 762,78 tỷ đồng, bằng 104% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận: Đối diện với nhiều khó khăn phức tạp, Công ty luôn chú trọng kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết giảm, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả. Kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 236,52 tỷ đồng, bằng 154% so với kế hoạch.

2. Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đầu tư xây dựng

2.1. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng:

- Công tác quản lý vận hành: Nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên nhà máy.

- Công tác sửa chữa thường xuyên: Đội ngũ cán bộ, công nhân viên thường xuyên kiểm tra và tự tổ chức thực hiện trong suốt quá trình vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đảm bảo nhà máy luôn khả dụng vận hành tin cậy và an toàn.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (trung tu) năm 2023: Hoàn thành sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị vào tháng 3 ÷ 4/2023 theo kế hoạch. Trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa không xảy ra sự cố. Sau khi hoàn thành tổ máy được đưa vào sử dụng đảm bảo kỹ thuật, an toàn.

2.2. Bảo trì và đầu tư công trình xây dựng:

- Thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì các hạng mục công trình xây dựng cần thiết, bao gồm: thanh thải hạ lưu, đào mở rộng mặt thoáng kênh xả nhà máy; bảo trì, cải tạo một số các công trình/hạng mục mái ta luy, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp và thoát nước, kho vật tư thiết bị của Nhà máy. Toàn bộ các trang thiết bị, công trình, hạng mục công trình, đập, nhà máy luôn được kiểm tra, giám sát đảm bảo vận hành an toàn, không có hư hỏng và sạt lở nghiêm trọng xảy ra; Tổ

chức kiểm tra, chạy thử hệ thống nâng hạ cửa van cung, kiểm tra hệ thống thoát nước, cung cấp đầy đủ nhiên liệu cho các máy phát dự phòng, các trang thiết bị vật tư phòng chống thiên tai.

3. Công tác lao động, đào tạo, an sinh xã hội, an ninh, an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ

3.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2023 là: 117 người, Trong đó: 98 lao động nam và 19 lao động nữ.

- Tiền lương bình quân năm 2023 là: 26,79 triệu đồng/người/tháng.

3.2. Công tác đào tạo: Năm 2023, Nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động, năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên và cán bộ quản lý, Công ty đã tổ chức các chuyến tham quan học hỏi, cử người lao động, cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo, huấn luyện: khóa học chuyên đề chuyển đổi số trong nhà máy thủy điện; căn chỉnh tổ máy thủy điện Tuabin Francis trực đứng; tham gia hội thảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ lần thứ XIII năm 2023; đào tạo chứng chỉ chuyên môn y tế về an toàn, VSLĐ; khóa học đầu thầu cơ bản; đào tạo chuyên đề về vận hành thị trường điện khi có biến động nhiên liệu/thủy văn; hội thảo chuyên đề về phối hợp vận hành, đào tạo khóa học chuyên đề sửa chữa điện tử; khóa học thanh kiểm tra các sai phạm về thuế thu nhập các nhân và hóa đơn điện tử; Cập nhật chính sách thuế mới năm 2023;... với tổng giá trị là 1.877,5 triệu đồng.

3.3. Công tác an sinh xã hội: Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện công tác an sinh xã hội với tổng số tiền là 712,5 triệu đồng, cụ thể: Hỗ trợ học bổng cho các em học sinh tiểu học có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn xã Đồng Văn, huyện Quế Phong 30 triệu đồng; hỗ trợ huyện Quế Phong nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập 100 triệu đồng; ủng hộ các cháu trong vụ nô tại xã Quỳnh Lưu 05 triệu đồng; hỗ trợ một phần kinh phí cho Công an huyện Quế Phong 30 triệu đồng; hỗ trợ một phần kinh phí cho UBND xã Đồng Văn tổ chức lễ hội đền chín gian 05 triệu đồng; xây dựng nhà tình nghĩa cho 02 hộ nghèo đặc biệt khó khăn tại huyện Đô Lương, Nghệ An 100 triệu đồng; hỗ trợ xây dựng nhà cho các hội nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền là 250 triệu đồng; hỗ trợ trang thiết bị dạy học cho trường THPT huyện Quế Phong 30 triệu đồng; làm thêm giờ ủng hộ các quỹ hoạt động: Quỹ "vì thế hệ trẻ" của Đoàn thanh niên Tập đoàn, quỹ "Nghĩa tình đồng đội" của Hội cựu chiến binh Tổng Công ty, chuẩn bị phát động làm thêm giờ ủng hộ quỹ Tương trợ Dầu khí với số tiền là 162,5 triệu đồng.

3.4. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSM:

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn; Phối hợp với Công an Nghệ An tổ chức huấn luyện nghiệp vụ công tác bảo vệ; Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn không để xảy ra các vụ việc mất an ninh trật tự, mất mát tài sản, vật tư, thiết bị,...

- Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra công tác an toàn, sức khỏe, môi trường tiếp tục được tập trung thực hiện có hiệu quả; thực hiện việc cấp phát các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đúng mục đích cho từng công việc; khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNVLĐ.

- Công tác PCCC luôn được Công ty chú trọng, năm 2023 đã phối hợp với Công an Nghệ An tổ chức lớp Huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và Cứu nạn cứu hộ cho CBCNV tại nhà máy; các phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, các bình bột và bình CO2 chữa cháy luôn được kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo ở chế độ hoạt động, sẵn sàng được sử dụng khi có tình huống khẩn cấp.

4. Công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư

Đến nay, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc giai đoạn đầu tư dự án còn một số vướng mắc, cụ thể:

- Vướng mắc 302,412 ha đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm đang có rừng tự nhiên đã giao đất sản xuất cho nhân dân ngoài thực địa nhưng phải thu hồi lại theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. UBND huyện Quế Phong đã có báo cáo đề xuất phương án xử lý với UBND tỉnh Nghệ An.

- Còn 89/879 hộ chưa nhận ruộng lúa nước để sản xuất, do nguyện vọng một số hộ dân muốn nhận tiền, trong khi đó Dự án đã khai hoang xây dựng diện tích ruộng đảm bảo đủ điều kiện giao đất cho dân.

- Bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp nơi đi và nơi đến, do một số hộ dân chưa hoàn thành công tác giao đất sản xuất với vướng mắc nêu trên.

5. Tình hình tài chính

5.1. Các chỉ tiêu chính

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | % 2023/2022 |
|----------|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 671.628.959.060 | 465.699.762.533 | 69,34% |
| - | Tiền và các khoản tương đương tiền | 245.644.092.556 | 92.664.874.209 | 37,72% |
| - | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 200.000.000.000 | - | |
| - | Các khoản phải thu ngắn hạn | 203.424.815.593 | 350.715.891.733 | 172,41% |
| - | Hàng tồn kho | 21.322.139.098 | 20.422.590.130 | 95,78% |
| - | Tài sản ngắn hạn khác | 1.237.911.813 | 1.896.406.461 | 153,19% |
| 2 | Tài sản dài hạn | 3.268.955.974.082 | 3.015.762.864.597 | 92,25% |
| - | Tài sản cố định | 3.230.384.518.549 | 2.972.328.274.348 | 92,01% |

| | | | | |
|----------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------|
| - | Tài sản dở dang dài hạn | 32.344.044.404 | 37.916.615.968 | 117,23% |
| - | Tài sản dài hạn khác | 6.227.411.129 | 5.517.974.281 | 88,61% |
| | Tổng tài sản (1+2) | 3.940.584.933.142 | 3.481.462.627.130 | 88,35% |
| 3 | Nợ phải trả | 582.891.655.393 | 254.548.282.453 | 43,67% |
| - | Nợ ngắn hạn | 365.337.595.236 | 163.622.258.490 | 44,79% |
| - | Nợ dài hạn | 217.554.060.157 | 90.926.023.963 | 41,79% |

5.2. Tài sản

Nhìn chung, tài sản của Công ty có biến động giữa các năm. Tính đến 31/12/2023, tổng tài sản của Công ty năm 2023 là hơn 3.481 tỷ đồng giảm so với năm 2022. Trong đó tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do trích khấu hao tài sản cố định, tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu là do Công ty đã sử dụng tiền để chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông.

5.3. Nợ phải trả

Đến thời điểm 31/12/2023, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 254 tỷ đồng giảm 328 tỷ đồng so với năm 2022.

(Chi tiết xem Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán)

III. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

1. Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT còn chịu trách nhiệm chỉ đạo chung trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn; dự án đầu tư quy mô lớn; công tác quản lý vốn, tài sản công ty; Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác cổ phần, cổ phiếu, quan hệ cổ đông, hợp tác đối ngoại; Công tác tổ chức bộ máy, công tác nhân sự và đào tạo, thi đua khen thưởng của Công ty; Công tác tài chính kế toán, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

2. Ông Bùi Huy Thành - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Bùi Huy Thành đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, định hướng đúng đắn nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

3. Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Nguyễn Xuân Sơn đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật. Trực tiếp phụ trách lĩnh vực: Xây dựng các quy chế và quy định quản lý nội bộ; Các chế độ chính sách đối với người lao động, định mức lao động, tiền lương; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Công ty; công tác pháp chế, kiểm soát nội bộ; công tác phát triển kỹ thuật, khoa học và công nghệ; công tác văn hóa doanh nghiệp.

4. Ông Lê Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Lê Hải Long đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

5. Ông Vũ Văn Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Văn Tâm đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc và người điều hành khác (gọi chung là Ban điều hành) trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban điều hành Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Trong năm 2023, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 nhà máy thủy điện Hòa Na

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP thông qua tại Nghị quyết số 06/NQ-ĐLĐK ngày 01/02/2024 với một số chỉ tiêu chính như sau:

a. Các chỉ tiêu chính:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch 2024 |
|-----|---------------------------|---------|---------------|
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 619,59 |
| 2 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2.352,32 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 744,07 |
| 4 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 554,65 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 189,42 |
| 6 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 9,47 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 179,95 |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận/VĐL | % | 0,08 |

| | | | |
|----|---------------------------------|---------------|--------|
| 9 | Đào tạo | Tỷ đồng | 1,50 |
| 10 | Giá thành (bao gồm thuế phí) | đồng/kWh | 895,18 |
| 11 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 177,37 |
| 12 | Lao động | Người | 117 |
| 13 | Quỹ tiền lương, thưởng vận hành | Tỷ đồng | 53,81 |
| 14 | Năng suất lao động bình quân | Tr.đ.ng/tháng | 173,24 |
| 15 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,23 |

b. Các nhiệm vụ chính cần thực hiện:

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận trong thị trường điện cạnh tranh, thanh toán kịp thời tiền bán điện hàng tháng.

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: Thực hiện sửa chữa định kỳ (trung tu) Nhà máy thủy điện Hòa Na vào tháng 3 ÷ 5/2024 theo kế hoạch đã được Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia phê duyệt.

- Mua sắm tài sản cố định: Căn cứ vào tình hình thực tế và dòng tiền của đơn vị để đầu tư xây dựng một số hạng mục để phục vụ hoạt động quản lý vận hành nhà máy liên tục, an toàn, hiệu quả.

- Mua sắm vật tư, thiết bị: Trên cơ sở tình hình thực tế và kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, tiến hành triển khai mua sắm vật tư, dụng cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên, vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa định kỳ Nhà máy, vật tư thiết bị dự phòng chiến lược, các vật tư công cụ cần thiết khác đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh liên tục và an toàn, hạn chế tồn kho gây lãng phí.

2. Công tác tài chính.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Cân đối dòng tiền đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Công tác đầu tư xây dựng

- Công tác đầu tư xây dựng còn lại thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na: phối hợp với chính quyền địa phương để sớm hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất; Hoàn thành quyết toán phần còn lại của dự án sau khi hoàn thành các nội dung nêu trên.

- Tập trung nghiên cứu, tìm kiếm đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ có hiệu quả góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững cho Công ty.

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.

- Luôn duy trì, thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như: Thăm hỏi tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà đồng bào tái định thuộc dự án thủy điện Hòa Na trong các dịp lễ, tết; Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn; Tham gia các chương trình xây dựng các công trình nhà cộng đồng, trường học tại vùng sâu, vùng xa, ...

- Tham gia các sự kiện về môi trường như: Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới; Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 CỦA CÔNG TY SAU KHI MUA NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM NƠN

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na sau khi cập nhật, bổ sung thêm các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, chi phí,... của Nhà máy thủy điện Nậm Nơn với chỉ tiêu chính như sau:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch SXKD 2024 ban đầu | Kế hoạch SXKD 2024 sau khi NMTĐ Nậm Nơn | Chênh lệch |
|-----|------------------------------|----------|----------------------------|---|------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5-4) |
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 619,59 | 649,52 | 29,93 |
| 2 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2.352,32 | 2.352,32 | 0,00 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 744,07 | 783,93 | 39,86 |
| 4 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 554,65 | 599,25 | 44,61 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 189,42 | 184,67 | -4,74 |
| 6 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 9,47 | 9,23 | -0,24 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 179,95 | 175,44 | -4,51 |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận/VĐL | % | 0,08 | 0,08 | 0,00 |
| 9 | Đào tạo | Tỷ đồng | 1,50 | 1,50 | 0,00 |
| 10 | Giá thành (bao gồm thuế phí) | đồng/kWh | 895,18 | 922,61 | 27,43 |
| 11 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 177,37 | 185,80 | 8,43 |
| 12 | Lao động | Người | 117,00 | 135,00 | 18,00 |

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch SXKD 2024 ban đầu | Kế hoạch SXKD 2024 sau khi NMTĐ Năm Nơn | Chênh lệch |
|-----|---------------------------------|-------------------|----------------------------|---|------------|
| 13 | Quỹ tiền lương, thưởng vận hành | Tỷ đồng | 53,81 | 56,10 | 2,28 |
| 14 | Năng suất lao động bình quân | Tr.d.ng/ tháng | 173,24 | 148,62 | -24,62 |
| 15 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,23 | 235,23 | 0,00 |

2. Thông tin chung về Nhà máy thủy điện Nặm Nơn.

2.1. Vị trí, quy mô Nhà máy thủy điện Nặm Nơn:

- Địa điểm xây dựng: tại xã Lượng Minh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, nằm trên dòng chính sông Cả, là bậc thang giữa thủy điện Bản Vẽ và thủy điện Khe Bó, cách thủy điện Bản Vẽ khoảng 14km về hạ lưu.

- Quy mô: Công suất lắp máy theo thiết kế 20 MW gồm 02 tổ máy. Công trình năng lượng cấp III. Sản lượng điện bình quân hàng năm thiết kế (E_0): 89,74 triệu kWh;

- Hình thức khai thác: Thủy điện Nặm Nơn khai thác kiểu nhà máy ngang đập, tua bin cột nước thấp kiểu bóng đèn (Buld). Bố trí công trình gồm các hạng mục công trình chính:

+ Cụm đầu mối gồm đập dâng hai vai có kết cấu đá đổ lõi giữa, gia cố mặt đập bằng các tấm bê tông cốt thép M200. Đập tràn gồm 03 khoang tràn có cửa van điều tiết (sử dụng cho xả lũ thi công và xả cát trong vận hành) kết hợp với tràn tự do kiểu ngưỡng phím đàn Piano, kết cấu BTCT;

+ Tuyến năng lượng gồm cửa lấy nước, nhà máy thủy điện và kênh xả ra: Cửa lấy nước được bố trí phía bờ trái; Cửa lấy nước có 02 khoang, dẫn nước vào 02 tổ máy qua 02 đường ống; Nhà máy thủy điện gồm 02 tổ máy, tổng công suất lắp máy 20MW.

- Đầu nối lên lưới điện Quốc gia bằng đường dây 110kV mạch đơn xây dựng mới dài gần 3km.

- Công trình đầu mối vận hành theo hồ điều tiết ngày đêm, nhà máy bán điện theo biểu giá chi phí tránh được ban hành hàng năm của Bộ Công Thương.

- Diện tích thuê đất lâu dài: 66.776 m².

2.2. Cơ sở pháp lý liên quan của Nhà máy thủy điện Nặm Nơn

Dự án Nhà máy thủy điện Nặm Nơn đã thi công hoàn thành và đưa vào vận hành phát điện thương mại từ ngày 06/9/2014, các văn bản pháp lý theo quy định đã được hoàn thành đáp ứng yêu cầu như: Giấy chứng nhận đầu tư, Phê duyệt đánh giá tác động môi trường, Quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng

đất và cho thuê đất, Hợp đồng mua bán điện, Giấy phép hoạt động Điện lực, Giấy phép khai thác và sử dụng nước mặt, Giấy phép môi trường, ...

3. Kết quả thẩm định giá Nhà máy thủy điện Nậm Non

Giá trị Nhà máy thủy điện Nậm Non được đơn vị Tư vấn thẩm định giá là Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K thẩm định tại Báo cáo kết quả thẩm định giá số 56/2023/BC ngày 01/12/2023 là 670,179 tỷ đồng.

4. Tổng giá trị đề xuất đầu tư (bao gồm thuế, phí) dự kiến thấp hơn: **724.638.000.000 đồng** (Bảy trăm hai mươi bốn tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu đồng), bao gồm:

| | |
|--|-----------------------|
| - Chi phí mua Nhà máy thủy điện Nậm Non (trước thuế) dự kiến thấp hơn: | 670.000.000.000 đồng; |
| - Thuế VAT (8%): | 53.600.000.000 đồng; |
| - Chi phí thuê Tư vấn mua bán và sáp nhập: | 400.000.000 đồng; |
| - Chi phí thuê Tư vấn thẩm định giá (đã thực hiện): | 140.000.000 đồng; |
| - Chi phí thuê Tư vấn đánh giá kỹ thuật và hiệu quả đầu tư (đã thực hiện): | 438.000.000 đồng; |
| - Chi phí thuê chuyên gia đánh giá độc lập và thẩm tra báo cáo đánh giá của Tư vấn (đã thực hiện): | 60.000.000 đồng; |

5. Nguồn vốn đầu tư: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/vốn vay: 30%/70%, trong đó:

- Nguồn vốn chủ sở hữu: Vốn đầu tư phát triển của Công ty và các nguồn vốn hợp pháp khác;
- Nguồn vốn vay: Vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần trong nước:
 - + Thời gian vay: dự kiến 10 năm;
 - + Lãi suất vay: dự kiến năm đầu tiên 7%/năm, các năm tiếp theo 8,5%/năm;
 - + Kỳ hạn trả gốc và lãi vay: 06 tháng 1 lần.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Về phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.

- Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các phong trào nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty.

- Tổ chức giao lưu, tổ chức các buổi hội thảo theo từng chuyên đề liên quan với các đơn vị trong ngành để trao đổi, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm để phục vụ công tác vận hành, sửa chữa thực tế tại nhà máy.

- Đưa ra các chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với những công nhân viên ưu tú, nhiệt tình, tích cực học tập, có sáng kiến, đưa lại hiệu quả cao.

2. Về các điều kiện vận hành nhà máy

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa rà soát để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra đối với thiết bị, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.

- Triển khai đơn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2024 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

3. Về công tác tài chính

- Tập trung triển khai các giải pháp thu hồi công nợ tiền điện từ EVN/EPTC để thanh toán tiền điện hàng tháng kịp thời theo Hợp đồng, nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả. Đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư mới.

4. Về công tác quản trị

- Rà soát, sửa đổi/bổ sung, hoàn thiện các hệ thống Quy chế, Quy định, Nội quy, định mức kinh tế kỹ thuật, các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong quản trị và điều hành doanh nghiệp, trong công tác quản lý vận hành Nhà máy.

- Nâng cao công tác quản trị, quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn lực tài chính; Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm giá trị tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Hỗ trợ và phối hợp cùng Ban giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất cho Công ty, lợi ích cao nhất cho các Cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

Số: 235/BC-HHC

Nghệ An, ngày 01 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Ban Giám đốc kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các nội dung như sau:

PHẦN A:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính năm 2023 đạt được như sau:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | Tỷ lệ (%) |
|-----|---|---------|---------------|----------------|-----------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6=5/4) |
| 1 | Sản lượng điện | | | | |
| - | Sản lượng điện thương mại | Tr.kwh | 645,79 | 587,50 | 91% |
| - | Sản lượng điện Hợp đồng (Qc) | Tr.kwh | 705,17 | 686,55 | 97% |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 733,47 | 762,78 | 104% |
| 2.1 | Doanh thu sản xuất điện | Tỷ đồng | 728,90 | 748,75 | 103% |
| - | Doanh thu thuần từ hoạt động bán điện | Tỷ đồng | 636,08 | 661,94 | 104% |
| - | Thu thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | Tỷ đồng | 92,82 | 86,76 | 93% |
| 2.2 | Doanh thu khác | Tỷ đồng | 4,58 | 14,03 | 306% |

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | Tỷ lệ (%) |
|-----|--|----------|---------------|----------------|-----------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6=5/4) |
| - | Doanh thu từ hoạt động tài chính (lãi tiền gửi) | Tỷ đồng | 4,58 | 13,87 | 303% |
| - | Thu nhập khác | Tỷ đồng | - | 0,16 | |
| 3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 572,09 | 513,57 | 90% |
| 3.1 | Chi phí giá vốn | Tỷ đồng | 485,47 | 445,65 | 92% |
| 3.2 | Chi phí tài chính | Tỷ đồng | 40,99 | 34,26 | 84% |
| 3.3 | Chi phí quản lý | Tỷ đồng | 45,64 | 33,36 | 73% |
| 3.4 | Chi phí khác | Tỷ đồng | - | 0,29 | |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 161,38 | 249,21 | 155% |
| 5 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 8,07 | 12,69 | 157% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 153,31 | 236,52 | 154% |
| 7 | Nộp ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 173,77 | 174,15 | 100% |
| 8 | Giá điện bình quân trước các thuế, phí | Đồng/kWh | 984,96 | 1.127,14 | 114% |
| 9 | Giá điện bình quân sau các thuế, phí (trước VAT) | Đồng/kWh | 1.128,69 | 1.274,82 | 113% |

2. Đánh giá thực hiện SXKD và tham gia thị trường điện

- Thủy văn: Điều kiện thủy văn năm 2023 không thuận lợi, gây nhiều khó khăn trong công tác vận hành, cụ thể: Mực nước thượng lưu hồ chứa tại thời điểm ngày 01/01/2023 đạt cao trình 237,16 (chỉ thấp hơn 2,84m so với mực nước dâng bình thường 240m); Trên lưu vực sông chính của hồ thủy điện Hòa Na, mùa mưa bắt đầu từ 01/7 đến 30/11, mùa khô từ 01/12 đến 30/6 năm sau. Tuy nhiên những năm gần đây, hiện tượng biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng phức tạp làm thay đổi thời gian các mùa trong năm. Trong năm 2023, mùa khô hạn kéo dài đến 31/7, mùa mưa ngắn hơn từ 01/8 đến 31/10. Lưu lượng nước bình quân về hồ trong năm đạt khoảng 79,0/93,85 m³/s, bằng 84% so với lưu lượng bình quân nhiều năm.

- Sản lượng điện: Với tình hình thủy văn như trên, sản lượng điện thương mại trong năm đạt 587,50/645,79 triệu kWh, hoàn thành 91% so với kế hoạch.

- Doanh thu: Dự đoán được tình hình thủy văn diễn ra bất thường, chu kỳ thủy văn thay đổi trong năm nên Công ty đã có chiến lược, tính toán chào giá chạy máy để khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, nên doanh thu thuần từ hoạt động bán điện (trước thuế, phí) đạt 661,99 tỷ đồng, cao hơn 89,75 tỷ đồng so với doanh thu nếu tính theo giá hợp đồng. Tổng doanh thu đạt 762,78/733,47 tỷ đồng, bằng 104% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận: Đối diện với nhiều khó khăn phức tạp, Công ty luôn chú trọng kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết giảm, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả. Kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 236,52/153,31 tỷ đồng, bằng 154% so với kế hoạch.

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy

- Công tác vận hành: Nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên nhà máy.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (trung tu) năm 2023: Hoàn thành sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị vào tháng 3 ÷ 4/2023 theo kế hoạch. Trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa không xảy ra sự cố. Sau khi hoàn thành tổ máy được đưa vào sử dụng đảm bảo kỹ thuật, an toàn.

- Thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì các hạng mục công trình xây dựng cần thiết, bao gồm: thanh thải hạ lưu, đào mở rộng mặt thoáng kênh xả nhà máy; bảo trì, cải tạo một số các công trình/hạng mục mái ta luy, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp và thoát nước, kho vật tư thiết bị của Nhà máy. Toàn bộ các trang thiết bị, công trình, hạng mục công trình, đập, nhà máy luôn được kiểm tra, giám sát đảm bảo vận hành an toàn, không có hư hỏng và sạt lở nghiêm trọng xảy ra; Tổ chức kiểm tra, chạy thử hệ thống nâng hạ cửa van cung, kiểm tra hệ thống thoát nước, cung cấp đầy đủ nhiên liệu cho các máy phát dự phòng, các trang thiết bị vật tư phòng chống thiên tai.

2. Công tác tài chính

2.1. Công nợ đối với các tổ chức tín dụng:

Đến ngày 31/12/2023, Công ty đã trả nợ gốc và lãi vay cho các tổ chức tín dụng như sau:

| | |
|------------------------------|------------------|
| - Hạn mức tín dụng: | 3.950,96 tỷ đồng |
| - Tổng giá trị đã giải ngân: | 3.903,71 tỷ đồng |
| - Số tiền nợ gốc đã trả: | 3.736,41 tỷ đồng |
| - Số tiền lãi vay đã trả: | 2.418,32 tỷ đồng |
| - Dư nợ gốc còn lại: | 167,30 tỷ đồng |

Công ty thu xếp dòng tiền đảm bảo trả nợ kịp thời cho các ngân hàng theo quy định của các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.2 Chi cổ tức cho các cổ đông

Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền với mức 15% vốn điều lệ tại Nghị quyết số 26/NQ-HHC-DHĐCĐ ngày 21/4/2023. Công ty hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2022 với tổng số tiền là 352.848.315.000 đồng:

- Chi trả đợt 1 (10%): 235.232.210.000 đồng, tương đương 1.000 đồng/cổ phiếu, chốt danh sách cổ đông vào ngày 15/6/2023, chi trả ngày 17/7/2023.

- Chi trả đợt 2 (5%): 117.616.105.000 đồng, tương đương 500 đồng/cổ phiếu, chốt danh sách cổ đông vào ngày 06/11/2023, chi trả ngày 05/12/2023.

3. Công tác lao động, tiền lương

- Tổng số lao động bình quân năm 2023 là: 117 người. Trong đó: 98 lao động nam và 19 lao động nữ.

- Tiền lương bình quân năm 2023 là: 26,79 triệu đồng/người/tháng.

4. Công tác đào tạo

Năm 2023, Nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động, năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên và cán bộ quản lý, Công ty đã tổ chức các chuyến tham quan học hỏi, cử người lao động, cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo, huấn luyện: khóa học chuyên đề chuyển đổi số trong nhà máy thủy điện; căn chỉnh tổ máy thủy điện Tuabin Francis trực đứng; tham gia hội thảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ lần thứ XIII năm 2023; đào tạo chứng chỉ chuyên môn y tế về an toàn, VSLĐ; khóa học đầu thầu cơ bản; đào tạo chuyên đề về vận hành thị trường điện khi có biến động nhiên liệu/thủy văn; hội thảo chuyên đề về phối hợp vận hành, đào tạo khóa học chuyên đề sửa chữa điện tử; khóa học thanh kiểm tra các sai phạm về thuế thu nhập các nhân và hóa đơn điện tử; Cập nhật chính sách thuế mới năm 2023; ... với tổng giá trị là 1.877,5 triệu đồng.

5. Công tác an sinh xã hội và thực hiện các chính sách, chăm lo đời sống cho người lao động.

- Công tác an sinh xã hội: Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện công tác an sinh xã hội với tổng số tiền là 712,5 triệu đồng, cụ thể: Hỗ trợ học bổng cho các em học sinh tiểu học có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn xã Đồng Văn, huyện Quế Phong 30 triệu đồng; hỗ trợ huyện Quế Phong nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập 100 triệu đồng; ủng hộ các cháu trong vụ nổ tại xã Quỳnh Lưu 05 triệu đồng; hỗ trợ một phần kinh phí cho Công an huyện Quế Phong 30 triệu đồng; hỗ trợ một phần kinh phí cho UBND xã Đồng Văn tổ chức lễ hội đền chín gian 05 triệu đồng; xây dựng nhà tình nghĩa cho 02 hộ nghèo đặc biệt khó khăn tại huyện Đô Lương, Nghệ An 100 triệu đồng; hỗ trợ xây dựng nhà cho các hội nghèo, có

hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền là 250 triệu đồng; hỗ trợ trang thiết bị dạy học cho trường THPT huyện Quế Phong 30 triệu đồng; làm thêm giờ ủng hộ các quỹ hoạt động: Quỹ "vì thế hệ trẻ" của Đoàn thanh niên Tập đoàn, quỹ "Nghĩa tình đồng đội" của Hội cựu chiến binh Tổng Công ty, chuẩn bị phát động làm thêm giờ ủng hộ quỹ Tương trợ Dầu khí với số tiền là 162,5 triệu đồng.

- Thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động được giải quyết đầy đủ, kịp thời: số người tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN đạt 100%; Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động Công ty với 117 lượt người và hơn 50 người làm trong môi trường độc hại, nguy hiểm được khám sức khỏe lần 2 trong năm; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; Thực hiện các chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng bằng hiện vật; Phụ cấp ăn ca; Thưởng An toàn; Mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động trong toàn Công ty; Thực hiện chế độ nghỉ phép cho toàn thể người lao động; Tổ chức nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên Công ty với mục đích tái tạo sức lao động và động viên khích lệ tinh thần, gắn kết giữa người lao động;...

- Chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho người lao động: Công đoàn công ty đã hỗ trợ kinh phí cho các bộ phận chuyên môn trong công tác phát triển trồng cây xanh, cây ăn quả làm đẹp cảnh quan nhà máy, rau sạch đảm bảo cho sức khỏe đời sống cán bộ công nhân viên trong công ty; Hỗ trợ mua sắm trang bị quần áo, trang thiết bị thể thao và tổ chức, tham gia các hoạt động giao lưu thể thao tại công ty, địa phương và các đơn vị trong và ngoài ngành; Tổ chức tặng quà sinh nhật cho cán bộ công nhân viên; Tổ chức thăm hỏi, trợ cấp cho người lao động bị ốm đau, gia đình khó khăn; tặng quà cho gia đình có bố mẹ cao tuổi, tặng quà cho các cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu,...

6. Công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

Đến nay, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc giai đoạn đầu tư dự án còn một số vướng mắc, cụ thể:

- Vướng mắc 302,412 ha đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm đang có rừng tự nhiên đã giao đất sản xuất cho nhân dân ngoài thực địa nhưng phải thu hồi lại theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. UBND huyện Quế Phong đã có báo cáo đề xuất phương án xử lý với UBND tỉnh Nghệ An.

- Còn 89/879 hộ chưa nhận ruộng lúa nước để sản xuất, do nguyện vọng một số hộ dân muốn nhận tiền, trong khi đó Dự án đã khai hoang xây dựng diện tích ruộng đảm bảo đủ điều kiện giao đất cho dân.

- Bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp nơi đi và nơi đến, do một số hộ dân chưa hoàn thành công tác giao đất sản xuất với vướng mắc nêu trên.

PHẦN B:**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024****I. SẢN XUẤT KINH DOANH NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA.****1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP thông qua tại Nghị quyết số 06/NQ-ĐLĐK ngày 01/02/2024 với chỉ tiêu chính như sau:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|---------------|---------------|----------|
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 619,59 | |
| 2 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2.352,32 | |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 744,07 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| | + Doanh thu phát điện | Tỷ đồng | 740,58 | |
| | + Doanh thu tài chính+khác | Tỷ đồng | 3,48 | |
| 4 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 554,65 | |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 189,42 | |
| 6 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 9,47 | |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 179,95 | |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận/VĐL | % | 0,08 | |
| 9 | Đào tạo | Tỷ đồng | 1,50 | |
| 10 | Giá thành (bao gồm thuế phí) | đồng/kWh | 895,18 | |
| 11 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 177,37 | |
| 12 | Lao động | Người | 117 | |
| 13 | Quỹ tiền lương, thưởng an toàn | Tỷ đồng | 53,81 | Tạm tính |
| 14 | Năng suất lao động bình quân | Tr.đ.ng/tháng | 173,24 | |
| 15 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,23 | |

2. Các nhiệm vụ trọng tâm khác

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận trong thị trường điện cạnh tranh, thanh toán kịp thời tiền bán điện hàng tháng.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: Thực hiện sửa chữa định kỳ (trung tu) Nhà máy vào tháng 3 ÷ 5/2024 theo kế hoạch đã được Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia phê duyệt.

- Mua sắm tài sản cố định: Căn cứ vào tình hình thực tế và dòng tiền của Công ty để đầu tư xây dựng một số hạng mục để phục vụ hoạt động quản lý vận hành nhà máy liên tục, an toàn, hiệu quả.

- Mua sắm vật tư, thiết bị: Trên cơ sở tình hình thực tế và kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, tiến hành triển khai mua sắm vật tư, dụng cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên, vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa định kỳ Nhà máy, vật tư thiết bị dự phòng chiến lược, các vật tư công cụ cần thiết khác đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh liên tục và an toàn, hạn chế tồn kho gây lãng phí nguồn vốn.

- Công tác đầu tư xây dựng còn lại thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na: phối hợp với chính quyền địa phương để sớm hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất; Hoàn thành quyết toán phần còn lại của dự án sau khi hoàn thành các nội dung nêu trên.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 CỦA CÔNG TY SAU KHI MUA NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM NƠN

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na sau khi cập nhật, bổ sung thêm các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, chi phí,... của Nhà máy thủy điện Nậm Nơn với chỉ tiêu chính như sau::

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch SXKD 2024 ban đầu | Kế hoạch SXKD 2024 sau mua NMTĐ Nậm Nơn | Chênh lệch |
|-----|---------------------------------|---------|----------------------------|---|--------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5-4) |
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 619,59 | 649,52 | 29,93 |
| 2 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2.352,32 | 2.352,32 | 0,00 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 744,07 | 783,93 | 39,86 |
| - | <i>Doanh thu phát điện</i> | Tỷ đồng | <i>740,58</i> | <i>780,44</i> | <i>39,86</i> |
| - | <i>Doanh thu tài chính+khác</i> | Tỷ đồng | <i>3,48</i> | <i>3,48</i> | <i>0,00</i> |
| 4 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 554,65 | 599,25 | 44,61 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 189,42 | 184,67 | -4,74 |
| 6 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 9,47 | 9,23 | -0,24 |

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch SXKD 2024 ban đầu | Kế hoạch SXKD 2024 sau mua NMTĐ Năm Nơn | Chênh lệch |
|-----|---------------------------------|---------------|----------------------------|---|------------|
| 7 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 179,95 | 175,44 | -4,51 |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận/VĐL | % | 0,08 | 0,08 | 0,00 |
| 9 | Đào tạo | Tỷ đồng | 1,50 | 1,50 | 0,00 |
| 10 | Giá thành (bao gồm thuế phí) | đồng/kWh | 895,18 | 922,61 | 27,43 |
| 11 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 177,37 | 185,80 | 8,43 |
| 12 | Lao động | Người | 117,00 | 135,00 | 18,00 |
| 13 | Quỹ tiền lương, thưởng vận hành | Tỷ đồng | 53,81 | 56,10 | 2,28 |
| 14 | Năng suất lao động bình quân | Tr.đ.ng/tháng | 173,24 | 148,62 | -24,62 |
| 15 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,23 | 235,23 | 0,00 |

2. Thông tin chung về Nhà máy thủy điện Nặm Nơn.

2.1. Vị trí, quy mô Nhà máy thủy điện Nặm Nơn:

- Địa điểm xây dựng: tại xã Lượng Minh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, nằm trên dòng chính sông Cả, là bậc thang giữa thủy điện Bản Vẽ và thủy điện Khe Bó, cách thủy điện Bản Vẽ khoảng 14km về hạ lưu.

- Quy mô: Công suất lắp máy theo thiết kế 20 MW gồm 02 tổ máy. Công trình năng lượng cấp III. Sản lượng điện bình quân hàng năm thiết kế (E_0): 89,74 triệu kWh;

- Hình thức khai thác: Thủy điện Nặm Nơn khai thác kiểu nhà máy ngang đập, tua bin cột nước thấp kiểu bóng đèn (Buld). Bố trí công trình gồm các hạng mục công trình chính:

+ Cụm đầu mối gồm đập dâng hai vai có kết cấu đá đổ lõi giữa, gia cố mặt đập bằng các tấm bê tông cốt thép M200. Đập tràn gồm 03 khoang tràn có cửa van điều tiết (sử dụng cho xả lũ thi công và xả cát trong vận hành) kết hợp với tràn tự do kiểu ngưỡng phím đàn Piano, kết cấu BTCT;

+ Tuyến năng lượng gồm cửa lấy nước, nhà máy thủy điện và kênh xả ra: Cửa lấy nước được bố trí phía bờ trái; Cửa lấy nước có 02 khoang, dẫn nước vào 02 tổ máy qua 02 đường ống; Nhà máy thủy điện gồm 02 tổ máy, tổng công suất lắp máy 20MW.

- Đấu nối lên lưới điện Quốc gia bằng đường dây 110kV mạch đơn xây dựng mới dài gần 3km.

- Công trình đầu mỗi vận hành theo hồ điều tiết ngày đêm, nhà máy bán điện theo biểu giá chi phí tránh được ban hành hàng năm của Bộ Công Thương.

- Diện tích thuê đất lâu dài: 66.776 m².

2.2. Cơ sở pháp lý liên quan của Nhà máy thủy điện Nậm Nơn:

Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Nơn đã thi công hoàn thành và đưa vào vận hành phát điện thương mại từ ngày 06/9/2014, các văn bản pháp lý theo quy định đã được hoàn thành đáp ứng yêu cầu như: Giấy chứng nhận đầu tư, Phê duyệt đánh giá tác động môi trường, Quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cho thuê đất, Hợp đồng mua bán điện, Giấy phép hoạt động Điện lực, Giấy phép khai thác và sử dụng nước mặt, Giấy phép môi trường, ...

3. Kết quả thẩm định giá Nhà máy thủy điện Nậm Nơn:

Giá trị Nhà máy thủy điện Nậm Nơn được đơn vị Tư vấn thẩm định giá là Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K thẩm định tại Báo cáo kết quả thẩm định giá số 56/2023/BC ngày 01/12/2023 là 670,179 tỷ đồng.

4. Tổng giá trị đề xuất đầu tư (bao gồm thuế, phí) dự kiến thấp hơn: **724.638.000.000 đồng** (Bảy trăm hai mươi bốn tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu đồng), bao gồm:

| | |
|--|-----------------------|
| - Chi phí mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn (trước thuế) dự kiến thấp hơn: | 670.000.000.000 đồng; |
| - Thuế VAT (8%): | 53.600.000.000 đồng; |
| - Chi phí thuê Tư vấn mua bán và sáp nhập: | 400.000.000 đồng; |
| - Chi phí thuê Tư vấn thẩm định giá (đã thực hiện): | 140.000.000 đồng; |
| - Chi phí thuê Tư vấn đánh giá kỹ thuật và hiệu quả đầu tư (đã thực hiện): | 438.000.000 đồng; |
| - Chi phí thuê chuyên gia đánh giá độc lập và thẩm tra báo cáo đánh giá của Tư vấn (đã thực hiện): | 60.000.000 đồng; |

5. Nguồn vốn đầu tư: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/vốn vay: 30%/70%, trong đó:

- Nguồn vốn chủ sở hữu: Vốn đầu tư phát triển của Công ty và các nguồn vốn hợp pháp khác;

- Nguồn vốn vay: Vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần trong nước:

+ Thời gian vay: dự kiến 10 năm;

+ Lãi suất vay: dự kiến năm đầu tiên 7%/năm, các năm tiếp theo 8,5%/năm;

+ Kỳ hạn trả gốc và lãi vay: 06 tháng 1 lần.

6. Cân đối dòng tiền:

Cân đối dòng tiền chung của Công ty sau khi mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn cho thấy dòng tiền vẫn được đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh ổn định, không tăng vốn điều lệ, đồng thời duy trì mức trả cổ tức hàng năm cho cổ đông tối thiểu 10%/năm.

7. Kết quả đánh giá về kỹ thuật và hiệu quả đầu tư:

7.1. Đánh giá về kỹ thuật Nhà máy thủy điện Nậm Nơn:

a. Về công trình thủy công: Các hạng mục công trình làm việc ổn định, có bị suy giảm chất lượng theo thời gian, tuy nhiên chưa thấy có hiện tượng xâm hại quá mức. Công trình được đánh giá bình thường, chỉ cần thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch là đảm bảo tuổi thọ công trình theo thiết kế.

b. Về thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công: Thiết bị tại thời điểm đánh giá đang vận hành sản xuất bình thường, ổn định; các phần tiếp xúc với dòng chảy có bị xâm thực nhẹ nhưng không quá mức.

7.2. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Nhà máy thủy điện Nậm Nơn đã ký Hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực miền Bắc số 119/EVNNPC-B9 ngày 10/6/2013.

Nhà máy được nghiệm thu và công nhận ngày vận hành thương mại (COD) từ 06/09/2014. Đến thời điểm hiện nay, Nhà máy đã vận hành được hơn 9 năm với sản lượng điện và doanh thu thuần như sau:

| STT | Thời gian | Sản lượng (kWh) | Doanh thu (đồng) | Ghi chú |
|-----|-----------|-----------------|------------------|--------------|
| 1 | Năm 2014 | 18.858.834 | 15.721.367.068 | Từ ngày 06/9 |
| 2 | Năm 2015 | 54.594.728 | 62.914.746.509 | |
| 3 | Năm 2016 | 59.002.100 | 66.644.618.200 | |
| 4 | Năm 2017 | 58.516.038 | 69.469.604.404 | |
| 5 | Năm 2018 | 67.986.100 | 77.859.553.500 | |
| 6 | Năm 2019 | 39.550.392 | 48.991.912.598 | |
| 7 | Năm 2020 | 42.889.390 | 54.911.469.154 | |
| 8 | Năm 2021 | 48.592.282 | 60.502.167.361 | |
| 9 | Năm 2022 | 61.706.186 | 70.803.201.825 | |
| 10 | Năm 2023 | 56.690.239 | 65.094.282.325 | |

8.3. Đánh giá hiệu quả đầu tư:

a. Các kịch bản về sản lượng điện thương mại:

- Phương án 1: Sản lượng điện trung bình nhiều năm của Tur vẫn đánh giá tính toán là 69,28 tr kWh/năm; đạt $FIRR = 12,57\%$, $NPV = 166,56$ tỷ đồng.

- Phương án 2: Sản lượng điện của PA1 xét thêm ảnh hưởng mực nước hồ dao động thấp hơn mực nước chết làm sản lượng điện giảm 5% là 65,81 tr kWh/năm; đạt $FIRR = 11,25\%$, $NPV = 123,76$ tỷ đồng.

- Phương án 3: Sản lượng điện thương mại trung bình 09 năm vận hành của nhà máy tăng thêm 10% (xét đến việc thực tế không còn ảnh hưởng của quá tải đường dây sau khi TBA 220kV Tương Dương đóng điện ngày 16/5/2022) là 59,85 tr kWh/năm; đạt $FIRR = 9,13\%$, $NPV = 49,27$ tỷ đồng.

b. Các kịch bản về sản lượng điện thương mại sau khi bổ sung chi phí cải tạo, nâng cao hiệu quả phát điện như sau:

- Phương án 1: Sản lượng điện trung bình sau khi cải tạo (dự kiến tăng tối thiểu 13%) là 78,29 tr kWh/năm; đạt $FIRR = 15,99\%$, $NPV = 268,94$ tỷ đồng.

- Phương án 2: Sản lượng điện trung bình sau khi cải tạo (dự kiến tăng tối thiểu 13%) là 74,37 tr kWh/năm; đạt $FIRR = 14,31\%$, $NPV = 221,52$ tỷ đồng.

- Phương án 3: Sản lượng điện trung bình sau khi cải tạo (dự kiến tăng tối thiểu 13%) là 67,63 tr kWh/năm; đạt $FIRR = 11,66\%$, $NPV = 139,04$ tỷ đồng.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024.

1. Khó khăn, vướng mắc

Với dự báo diễn biến khí tượng thủy văn năm 2024 và tình hình thực tế hiện nay, quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Lưu lượng nước về hồ thủy điện Hòa Na dự báo sẽ đặc biệt thấp đến nửa đầu tháng 6/2024 do trên thượng nguồn chính hồ thủy điện Hòa Na có Dự án nhà máy thủy điện Nậm Sam 3 (công suất 156MW, dung tích toàn bộ hồ chứa là 443 triệu m³, chiếm 48% toàn bộ lưu vực hồ thủy điện Hòa Na) tích nước vào từ ngày 15/12/2023 (mùa kiệt). Thực tế, từ ngày 15/12/2023 đến nay hồ thủy điện Nậm Sam 3 tích nước đã làm giảm khoảng 50% lưu lượng nước về hồ thủy điện Hòa Na. NMTĐ Nậm Sam 3 có kế hoạch phát điện vào 15/4/2024, tuy nhiên với dự báo tình hình khí tượng thủy văn hiện nay trên lưu vực, lưu lượng nước trên lưu vực thấp hơn so với bình quân nhiều năm. Với điều kiện thủy văn thuận lợi thì hồ Nậm Sam 3 tích nước đến cuối tháng 5/2024 mới vượt cao trình mực nước

chết để đủ điều kiện phát điện. Như vậy, Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Hiện nay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang gặp khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, đặc biệt là dòng tiền để thanh toán cho các đơn vị phát điện. Vì vậy, trong thời gian tới việc thanh toán tiền bán điện hàng tháng sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

2. Giải pháp trong sản xuất kinh doanh điện.

Năm 2024 là năm rất khó khăn đối với Công ty, để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024, Công ty sẽ nỗ lực, quyết tâm, phát huy tối đa mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, các giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

2.1. Về công tác vận hành, sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục bám sát, phối hợp chặt chẽ với EVN/A0/EPTC trong quá trình vận hành để huy động tối đa công suất, đặc biệt là trong mùa mưa lũ; thỏa thuận sản lượng điện hợp đồng năm/tháng phù hợp, trên cơ sở hài hoà lợi ích giữa các bên để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh; thanh toán tiền bán điện kịp thời để đảm bảo cân đối được dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Dự báo tốt tình hình khí tượng thủy văn trên lưu vực và diễn biến thị trường điện cạnh tranh để khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận. Chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng và nhân lực để tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh;

- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị và nâng cấp hệ thống công nghệ nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn;

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hệ thống thiết bị, tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy;

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng các hạng mục công trình xây dựng để kịp thời bảo trì, sửa chữa đảm bảo an toàn cho công trình;

- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác vận hành, điều tiết hồ chứa theo đúng quy định của Quy trình vận hành hồ chứa và liên hồ chứa.

2.2. Về công tác tài chính

- Rà soát, cân đối dòng tiền, thu hồi kịp thời tiền bán điện đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời chi trả nợ gốc và lãi vay đối với các Ngân hàng;

- Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

2.3. Về công tác quản trị, quản lý

- Tập trung thực hiện chuyển đổi số, hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp, xây dựng chiến lược tổng thể với việc xác định tầm nhìn số, lộ trình triển khai cụ thể.

- Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các quy định của Nhà nước, Tổng công ty và tình hình thực tiễn tại Công ty. Nâng cao công tác quản trị, quản lý sử dụng linh hoạt nguồn vốn. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ nhằm duy trì hàng tồn kho ở mức hợp lý đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.4. Về công tác quản lý nguồn nhân lực

- Tập trung đào tạo nâng cao phát triển nguồn nhân lực, tổ chức các lớp/khóa đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ công nhân viên, người quản lý, ưu tiên phương án tự đào tạo tại chỗ.

- Chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể; tuyên truyền xây dựng và thực hiện văn hoá doanh nghiệp.

- Tổ chức phát động phong trào thi đua sản xuất kinh doanh, an toàn, vệ sinh, môi trường, tuyên truyền phổ biến để toàn thể cán bộ, công nhân viên triển khai thực hiện. Kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

2.5. Công tác khác

- Tập trung nghiên cứu, tìm kiếm đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ có hiệu quả kinh tế.

- Phối hợp linh hoạt với các cấp chính quyền địa phương và các sở/ban/ngành liên quan để giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn lại của dự án.

PHẦN C: KIẾN NGHỊ

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024, Công ty kính đề nghị Quý Cổ đông xem xét hỗ trợ Công ty một số nội dung như sau:

1. Thường xuyên kiểm tra, hỗ trợ Công ty trong quá trình quản lý hoạt động và vận hành sản xuất.



TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Số: **03** /HHC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày **02** tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024 TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na;
- Quy chế hoạt động số 06/QĐ-BKS-HHC ngày 22/4/2021 của Ban kiểm soát;
- Nghị quyết số 26/ NQ-HHC-ĐHCĐ ngày 21/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Ban kiểm soát kính báo cáo Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na, về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban kiểm soát với những nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023.

1. Nhân sự Ban kiểm soát

Nhân sự Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na năm 2023, bao gồm các thành viên:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Thời gian |
|----|----------------|----------------|---|
| 1 | Võ Trung Chính | Trưởng BKS | Ngày bổ nhiệm 12/9/2022; ngày 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 |
| 2 | Văn Tuấn Thạch | Kiểm soát viên | Ngày bổ nhiệm 19/4/2018 đến ngày 21/4/2023 |
| 3 | Lê Đình Hiệu | Kiểm soát viên | Ngày 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 |
| 4 | Lê Văn Anh | Kiểm soát viên | Ngày bổ nhiệm 12/9/2022; ngày 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 |

2. Phân công nhiệm vụ Ban kiểm soát:

2.1. Ông: Võ Trung Chính - Trưởng ban kiểm soát: Phụ trách chung.

- Giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty;

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), họp Hội đồng quản trị (HĐQT) và các cuộc họp khác của công ty;

- Lập kế hoạch, triển khai công tác, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2.2. Ông Lê Đình Hiệu - Kiểm soát viên:

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính 06 tháng và hằng năm của công ty;

- Kiểm tra, kiểm soát, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý tài chính phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và do Trưởng ban kiểm soát phân công.

2.3. Bà Lê Vân Anh - Kiểm soát viên:

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tình hình kinh doanh 06 tháng và hằng năm của công ty;

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐ;

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty;

- Đánh giá tính hợp lý và hiệu quả trong việc thực hiện các dự án đầu tư mới của công ty;

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty;

- Xem xét hồ sơ và tài liệu liên quan đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và do Trưởng ban kiểm soát phân công.

3. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát. Năm 2023, Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty về hoạt động của Ban kiểm soát; kết quả giám sát về tình hình hoạt động; thẩm định Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty; kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý trong việc quản trị và điều hành công ty.

- Giám sát việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2023 của HĐQT và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất năm 2023.

- Tham dự và tham gia thảo luận trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT, họp Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trong năm 2023. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và năm 2023.

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty.

- Kiểm tra, xem xét và đánh giá một số nội dung khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Với kết quả hoạt động năm 2023, Ban kiểm soát đánh giá cụ thể như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát đã triển khai nhiệm vụ có hiệu quả và phù hợp với tình hình sản xuất của công ty.

- Qua thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã có các đề xuất kiến nghị với HĐQT để tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh của công ty.

- Trong quá trình hoạt động, để giải quyết kịp thời các công việc Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, thảo luận, lấy ý kiến các kiểm soát viên thông qua thư điện tử để thống nhất các vấn đề liên quan đến việc thực thi chức trách, nhiệm vụ của mình.

- Các kiểm soát viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, theo sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

+ Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương, thưởng theo Quy chế trả lương, thưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Đối với các thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách hưởng thù lao theo quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (6 triệu đồng/người/tháng);

+ Các khoản chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát được chi trả tuân thủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và Quy chế của Công ty.

Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thu nhập trong năm |
|-----|------------------|----------------|----------------------|
| 1 | Võ Trung Chính | Trưởng BKS | 1.007.437.695 |
| 2 | Văn Tuấn Thạch | Kiểm soát viên | 50.755.556 |
| 2 | Lê Đình Hiệu | Kiểm soát viên | 44.800.000 |
| 3 | Lê Văn Anh | Kiểm soát viên | 101.555.556 |
| | Tổng cộng | | 1.204.548.807 |

II. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2023:

1. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty

1.1. Cơ cấu HĐQT năm 2023:

Hội đồng quản trị năm 2022 gồm 05 thành viên, trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và 01 thành viên HĐQT độc lập.

1.2. Hoạt động của HĐQT năm 2023:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ Nghị quyết số 26/ NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

- HĐQT thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty. HĐQT tiến hành 04 cuộc họp định kỳ hằng quý

và ban hành 87 Nghị quyết, Quyết định, cụ thể: Ban hành 15 Nghị quyết và 72 Quyết định, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với các Quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tình hình sản xuất kinh doanh.

- HĐQT đã kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất của Công ty.

1.3. Kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Năm 2023, Giám đốc công ty điều hành hoạt động sản xuất tuân thủ các Quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

- Giám đốc công đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh vượt các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch năm 2023, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước.

- Giám đốc tổ chức thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; bảo đảm thu nhập về tiền lương, tiền thưởng kịp thời, ổn định; triển khai công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động; thực hiện công tác an sinh xã hội; chú trọng thực hiện công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSM;...

2. Thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, sản xuất đạt hiệu quả. Cụ thể sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện năm 2023 so với năm 2022 và so với kế hoạch như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | TH năm 2022 | KH năm 2023 | TH năm 2023 | Tỷ lệ % | |
|-----|----------------------------|----------------|-----------------|---------------|---------------|--------------|---------------|
| | | | | | | 4=3/1 | 5=3/2 |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4=3/1 | 5=3/2 |
| I | Sản lượng | Tr.kwh | 828,84 | 645,79 | 587,50 | 70,88 | 90,97 |
| II | Doanh thu | Tỷ đồng | 1.182,32 | 733,47 | 762,78 | 64,52 | 104,00 |
| 1 | <i>Doanh thu bán điện</i> | <i>Tỷ đồng</i> | 1.175,59 | 728,89 | 748,75 | 63,69 | 102,72 |
| 2 | <i>Doanh thu tài chính</i> | <i>Tỷ đồng</i> | 6,67 | 4,58 | 13,87 | 207,95 | 302,92 |
| 3 | <i>Thu nhập khác</i> | <i>Tỷ đồng</i> | 0,06 | 0,00 | 0,16 | 266,67 | - |
| III | Chi phí | Tỷ đồng | 567,91 | 572,09 | 513,57 | 90,43 | 89,77 |
| 1 | <i>Chi phí sản xuất</i> | <i>Tỷ đồng</i> | 495,58 | 531,10 | 479,02 | 96,66 | 90,19 |
| 2 | <i>Chi phí tài chính</i> | <i>Tỷ đồng</i> | 72,05 | 40,99 | 34,26 | 47,55 | 83,59 |

| | | | | | | | |
|----|---------------------------------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 3 | Chi phí khác | Tỷ đồng | 0,28 | 0,00 | 0,29 | 103,57 | - |
| IV | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 614,41 | 161,38 | 249,21 | 40,56 | 154,42 |
| V | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 30,93 | 8,07 | 12,69 | 41,03 | 157,27 |
| VI | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 583,48 | 153,31 | 236,52 | 40,54 | 154,27 |
| V | Thuế và các khoản phải nộp NSNN | Tỷ đồng | 237,11 | 173,77 | 174,15 | 73,45 | 100,22 |

Chỉ tiêu sản lượng đạt 90,97% so với kế hoạch, chỉ tiêu chi phí đạt 89,77% so với kế hoạch, chỉ tiêu doanh thu đạt 104% so với kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 154,27% so với kế hoạch và nộp thuế đạt 100,22% so với kế hoạch. Năm 2023 tuy điều kiện thủy văn không thuận lợi, chỉ tiêu sản lượng không đạt kế hoạch nhưng các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và nộp thuế vượt kế hoạch là do Công ty đã thực hiện tốt công tác chào giá thị trường; thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí; công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng nhà máy an toàn, hiệu quả.

3. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số: 47/2024/BCKT-AVI-TC1 ngày 08/3/2024. Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.1. Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2023:

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Số cuối năm | Số đầu năm | Tỷ lệ (5=3/4) |
|---------------------------------------|------------|--------------------------|--------------------------|---------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 465.699.762.533 | 671.628.959.060 | 69,34% |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 92.664.874.209 | 245.644.092.556 | 37,72% |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | - | 200.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 350.715.891.733 | 203.424.815.593 | 172,41% |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 20.422.590.130 | 21.322.139.098 | 95,78% |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 1.896.406.461 | 1.237.911.813 | 153,19% |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 3.015.762.864.597 | 3.268.955.974.082 | 92,25% |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | - | - | - |

| | | | | |
|---|------------|--------------------------|--------------------------|---------------|
| II. Tài sản cố định | 220 | 2.972.328.274.348 | 3.230.384.518.549 | 92,01% |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | - | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 37.916.615.968 | 32.344.044.404 | 117,23% |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | - | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 5.517.974.281 | 6.227.411.129 | 88,61% |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | 3.481.462.627.130 | 3.940.584.933.142 | 88,35% |
| C – NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 254.548.282.453 | 582.891.655.393 | 43,67% |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 163.622.258.490 | 365.337.595.236 | 44,79% |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 90.926.023.963 | 217.554.060.157 | 41,79% |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 3.226.914.344.677 | 3.357.693.277.749 | 96,11% |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 3.226.914.344.677 | 3.357.693.277.749 | 96,11% |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | 3.481.462.627.130 | 3.940.584.933.142 | 88,35% |

3.2. Một số chỉ tiêu tài chính:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|----|--|--------|------------|------------|
| 1 | Hệ số bảo toàn vốn | Lần | 0,96 | 1,21 |
| 2 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 7,33 | 17,38 |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản (ROA) | % | 6,79 | 14,81 |
| 4 | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | Lần | 2,72 | 1,78 |
| 5 | Khả năng thanh toán nợ đến hạn | Lần | 2,85 | 1,84 |

3.3. Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:

Ban kiểm soát đề nghị Công ty xem xét, lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo đúng quy định, bảo đảm đủ năng lực, minh bạch, khách quan.

4. Kiểm tra, xem xét và đánh giá một số nội dung khác:

4.1. Những công việc còn lại trong giai đoạn đầu tư của dự án:

Quyết toán dự án:

- Giai đoạn 1: Hiện tại đã quyết toán dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hòa Na (giai đoạn 1) với giá trị là: 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMĐT (bao gồm thuế GTGT) đã được các cổ đông chấp thuận phê duyệt.

- Quyết toán phần còn lại: Công ty đã hoàn thành và quyết toán vốn bổ sung đến 28/2/2019 là: 190,08 tỷ đồng. Giá trị còn lại khoảng 65,7 tỷ đồng thuộc các hạng mục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có liên quan đến các cơ chế, chủ trương, chính sách của Nhà nước và địa phương nên chưa hoàn thành. Cụ thể:

Hiện nay, Công ty đang gặp khó khăn, vướng mắc về đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm đang có rừng tự nhiên đã giao đất sản xuất cho nhân dân ngoài thực địa nhưng phải thu hồi lại theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; khó khăn, vướng mắc về một số hộ dân chưa nhận ruộng lúa nước để sản xuất; khó khăn, vướng mắc về Bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp nơi đi và nơi đến.

Trong thời gian tới, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na tiếp tục tập trung phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định và báo cáo sau khi hoàn thành đối với phần còn lại này.

4.2. Tình hình cân đối dòng tiền và chi cho hoạt động sản xuất

Tính đến ngày 31/12/2023 Công ty đã hoàn thành việc trả nợ vay đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức tín dụng và tổ chức sản xuất có hiệu quả. Cụ thể: Trong năm trả nợ gốc vay: 369,02 tỷ đồng, trả nợ lãi vay: 38,40 tỷ đồng; dư nợ vay đến 31/12/2023: 179,02 tỷ đồng (trong đó: vay vốn lưu động 11,72 tỷ đồng; vốn tín dụng đầu tư dự án 167,30 tỷ đồng); tiền gửi tại 31/12/2023: 92,66 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện các hợp đồng tín dụng đầu tư dự án đến 31/12/2023:

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Hợp đồng | Lũy kế số đã giải ngân | Lũy kế trả nợ gốc đến 31/12/2023 | Dư nợ gốc vay đến 31/12/2023 | Dự kiến trả nợ gốc và lãi vay năm 2024 |
|-----|--|------------------------|----------------------------------|------------------------------|--|
| 1 | HĐ tín dụng số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 (NHAB) | 200.000 | 180.000 | 20.000 | 21.365 |
| 2 | HĐ tín dụng số 182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016 (NHAB) | 300.000 | 195.015 | 104.985 | 48.264 |
| 3 | HĐ tín dụng số 09.001.286688.TD ngày 18/8/2009 (NHQĐ) | 328.784 | 328.784 | - | - |
| 4 | HĐ tín dụng số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05/3/2012 (NHVTB) | 359.535 | 359.535 | - | - |
| 5 | HĐ tín dụng số 382/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/10/2008 | 2.240.000 | 2.240.000 | - | - |
| 6 | HĐ tín dụng số 68/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 19/10/2011 | 411.000 | 411.000 | - | - |
| 7 | HĐ tín dụng số MMD202113392590/HĐTD ngày 25/05/2021 | 64.394 | 22.076 | 42.318 | 20.078 |

| | | | | | |
|---|-------------------------|------------------|------------------|----------------|---------------|
| 8 | Trái phiếu Doanh nghiệp | 150.000 | 150.000 | - | - |
| | Tổng cộng | 4.053.713 | 3.886.410 | 167.303 | 89.707 |

Theo kế hoạch năm 2024 dòng tiền chi là 787,04 tỷ đồng, trong đó: dòng tiền chi trả nợ gốc và lãi vay cùng các chi phí tài chính có liên quan là 164,82 tỷ đồng, dự kiến chi trả cổ tức cho các cổ đông là 235, 23 tỷ đồng, các chi phí hoạt động sản xuất và nộp thuế là 321,09 tỷ đồng, chi đầu tư tài sản cố định là 20,39 tỷ đồng và chi cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 45,51 tỷ đồng. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc nhiều vào yếu tố thủy văn, Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tính toán cân đối dòng tiền hợp lý để tránh các rủi ro thanh khoản cho Công ty và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

4.3. Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy:

Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

4.4. Công tác quản lý và thực hiện hợp đồng

Về cơ bản Công ty đã thực hiện theo các quy định của Luật đấu thầu, các quy định, quy chế của Công ty. Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty, trong quá trình quản lý và thực hiện hợp đồng luôn chú trọng kiểm tra, giám sát, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

4.5. Công tác lao động, tiền lương

- Tổng số lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2023 là 117 người. Trong đó 100% người lao động có việc làm ổn định; Tiền lương bình quân người lao động 26,79 triệu đồng/người/tháng.

- Về hợp đồng lao động: Đối tượng không thuộc diện ký HĐLĐ: 07 người chiếm 5,98 %; HĐLĐ không xác định thời hạn: 104 người chiếm 88,89%; HĐLĐ có thời hạn từ 1-3 năm: 06 người chiếm 5,23%.

4.6. Công tác đào tạo

Năm 2023, Công ty đã thực hiện công tác đào tạo nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên và cán bộ quản lý, Công ty đã tổ chức các chuyến tham quan học hỏi, cử người lao động, cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo, huấn luyện về chuyên đề chuyển đổi số trong nhà máy thủy điện; căn chỉnh tổ máy thủy điện Tuabin Francis trực đứng; tham gia hội thảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ lần thứ XIII năm 2023; đào tạo chứng chỉ chuyên môn y tế về an toàn, VSLĐ; khóa học đấu thầu cơ bản; đào tạo chuyên đề về vận hành thị trường điện khi có biến động nhiên liệu/thủy văn; hội thảo chuyên đề về phối hợp vận hành, đào tạo khóa học chuyên đề sửa chữa điện tử; khóa học thanh kiểm tra các sai phạm về thuế thu nhập các nhân và hóa đơn điện tử; ...

4.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra trong kỳ của các cơ quan chức năng Nhà nước:

Đề nghị Công ty khẩn trương thực hiện các kiến nghị còn tồn đọng theo Thông

báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của Kiểm toán Nhà nước: Quyết toán giá trị bổ sung giai đoạn 2 dự án nhà máy thủy điện Hòa Na làm cơ sở để thực hiện đàm phán với EVN về giá phát điện; Làm việc với Bộ TN&MT, UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan chức năng có liên quan xử lý dứt điểm diện tích đất 251,89 ha đất nông nghiệp đã bàn giao cho các hộ dân phải thu hồi.

4.8. Rà soát hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na hiện không có công ty con, và Công ty không nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với bất kỳ công ty nào khác. Năm 2023 không phát sinh hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

4.9. Công tác đầu tư phát triển các dự án mới.

Năm 2023 Công ty đang tìm hiểu, nghiên cứu về 02 Nhà máy Thủy điện, cụ thể: Nhà máy Thủy điện Đăk Sor, công suất 7,5 MW tại tỉnh Đăk Nông của Công ty cổ phần Phú Lâm và Nhà máy Thủy điện Nậm Non, công suất 20 MW của Công ty cổ phần Tổng công ty phát triển năng lượng Nghệ An.

Ban kiểm soát đề nghị Công ty thực hiện nghiên cứu, khảo sát, đánh giá dự án một cách đầy đủ, cẩn trọng, thông tin chính xác, minh bạch nhằm đảm bảo công tác đầu tư có hiệu quả, phù hợp với mô hình, chiến lược phát triển của Công ty.

4.10. Đánh giá sự tuân thủ trong việc công bố thông tin.

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện đầy đủ công tác công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC. Ban kiểm soát đề nghị trong thời gian tới Công ty cần tiếp tục quan tâm công tác công bố thông tin để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

4.11. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty:

HĐQT Công ty đã thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ tại Quyết định số 74/QĐ-HHC-HĐQT ngày 7/11/2023.

4.12. Chi trả cổ tức cho các cổ đông

Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền với mức 15% vốn điều lệ tại Nghị quyết số 26/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2023. Công ty hoàn thành việc chi trả cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 352.848.315.000 đồng trong năm 2023.

4.13. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban giám đốc và các cổ đông.

Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch trình ĐHĐCĐ thông qua làm cơ sở thực hiện và triển khai thực hiện kế hoạch tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty. Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình một cách độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Thực hiện chế độ báo cáo ĐHĐCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành. Tuyệt đối bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, thông tin báo cáo tới ĐHĐCĐ một cách trung thực, cẩn trọng, chính xác. Trong năm không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về các hoạt động kiểm soát bất thường.

HDQT và Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của HDQT và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. Đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát:

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, đảm bảo các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn và hiệu quả cao. Ban kiểm soát kiến nghị HDQT, Ban giám đốc Công ty khẩn trương xem xét, chỉ đạo, thực hiện các nội dung:

1. Vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả. Chủ động thực hiện công tác điều tiết hồ chứa; chào giá linh hoạt trên thị trường; cân đối dòng tiền; tiết kiệm, tiết giảm chi phí;... phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2024 đã được phê duyệt.

2. Hoàn thiện các thủ tục liên quan để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Nhà máy trong năm 2024.

3. Đối với công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Đề nghị HDQT công ty chỉ đạo, Ban giám đốc phối hợp với các bên liên quan để sớm hoàn thành những công việc còn vướng mắc trong công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành và tổng chi phí thực hiện không vượt quá TMDT hiệu chỉnh lần 3 đã được phê duyệt.

4. Hoàn thành nội dung kiến nghị còn lại tại Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của Kiểm toán Nhà nước.

IV. Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát:

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

1. Giám sát việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2024 của HDQT và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất năm 2024.

2. Dự họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, họp HDQT, và các cuộc họp khác của Công ty.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HDQT trong năm 2024. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và năm 2024.

4. Kiểm tra, rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và các mặt hoạt động liên quan khác của công ty theo quy định.

5. Thực hiện chế độ các báo cáo định kỳ theo đúng các quy chế/ quy định hiện hành của Ban kiểm soát.

Trên cơ sở kết quả công tác năm 2023, Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo của Ban kiểm soát và xin tiếp thu các ý kiến tham gia của Quý vị cổ đông. Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị cổ đông và sự hợp tác của HĐQT, Ban điều hành Công ty giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng!

Nơi gửi :

- Như trên;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Nghệ An, tháng 03 năm 2024



MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|--------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 23 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------|--------------------------------------|
| Ông Hoàng Xuân Thành | Chủ tịch |
| Ông Trịnh Bảo Ngọc | Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023) |
| Ông Bùi Huy Thành | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023) |
| Ông Nguyễn Xuân Sơn | Ủy viên |
| Ông Lê Hải Long | Ủy viên |
| Ông Vũ Văn Tâm | Ủy viên |

Ban Giám đốc

| | |
|------------------------|---|
| Ông Trịnh Bảo Ngọc | Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023) |
| Ông Bùi Huy Thành | Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023) |
| Ông Nguyễn Xuân Sơn | Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023) |
| Ông Đoàn Văn Trường | Phó giám đốc |
| Ông Nguyễn Trọng Thạch | Phó giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Huy Thành
Giám đốc

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Số: 47/2024/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08/03/2024, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4988-2024-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 465.699.762.533 | 671.628.959.060 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 92.664.874.209 | 245.644.092.556 |
| 1. Tiền | 111 | | 6.864.874.209 | 65.596.390.427 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 85.800.000.000 | 180.047.702.129 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 200.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | 200.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 350.715.891.733 | 203.424.815.593 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 345.898.650.093 | 199.030.458.180 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 4.457.994.479 | 2.486.580.755 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 359.247.161 | 1.907.776.658 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 20.422.590.130 | 21.322.139.098 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 8 | 20.422.590.130 | 21.322.139.098 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.896.406.461 | 1.237.911.813 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 489.386.417 | 388.650.325 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1.407.020.044 | 849.261.488 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3.015.762.864.597 | 3.268.955.974.082 |
| I. Tài sản cố định | 220 | 12 | 2.972.328.274.348 | 3.230.384.518.549 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 2.972.328.274.348 | 3.230.384.518.549 |
| - Nguyên giá | 222 | | 5.897.151.831.242 | 5.870.845.108.702 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.924.823.556.894) | (2.640.460.590.153) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 37.916.615.968 | 32.344.044.404 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 9 | 37.916.615.968 | 32.344.044.404 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5.517.974.281 | 6.227.411.129 |
| 1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 5.517.974.281 | 6.227.411.129 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 3.481.462.627.130 | 3.940.584.933.142 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 254.548.282.453 | 582.891.655.393 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 163.622.258.490 | 365.337.595.236 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 23.646.071.048 | 8.713.261.860 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | 1.816.915 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 14 | 11.217.485.264 | 9.365.743.037 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 14.641.017.253 | 14.370.041.452 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 10 | 5.263.914.689 | 11.600.207.370 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 11 | 7.552.611.906 | 18.418.505.932 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 15 | 88.591.084.002 | 296.625.037.971 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 123.163.779 | - |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 12.586.910.549 | 6.242.980.699 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 90.926.023.963 | 217.554.060.157 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 11 | 490.652.152 | 418.946.277 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 15 | 90.435.371.811 | 217.135.113.880 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 3.226.914.344.677 | 3.357.693.277.749 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 16 | 3.226.914.344.677 | 3.357.693.277.749 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 2.352.322.103.444 | 2.352.322.103.444 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 2.352.322.103.444 | 2.352.322.103.444 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 64.985.781.295 | 64.985.781.295 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 70.551.901.463 | 12.204.520.935 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 739.054.558.475 | 928.180.872.075 |
| - LNST chưa PPLK đến cuối năm trước | 421a | | 502.532.436.547 | 344.707.066.794 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 236.522.121.928 | 583.473.805.281 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 3.481.462.627.130 | 3.940.584.933.142 |

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|---|-----------|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | 2023 | 2022 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 17 | 748.752.815.653 | 1.175.592.436.552 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 748.752.815.653 | 1.175.592.436.552 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 18 | 445.653.424.780 | 467.528.992.665 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 303.099.390.873 | 708.063.443.887 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 19 | 13.865.433.074 | 6.672.303.178 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 20 | 34.255.995.726 | 72.047.817.145 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 33.327.955.977 | 69.102.980.265 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21 | 33.364.926.312 | 28.053.101.755 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 249.343.901.909 | 614.634.828.165 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 160.682.578 | 55.120.310 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 293.638.309 | 283.344.012 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (132.955.731) | (228.223.702) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 249.210.946.178 | 614.406.604.463 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 23 | 12.688.824.250 | 30.932.799.182 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 236.522.121.928 | 583.473.805.281 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 24 | 1.005 | 2.419 |

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 249.210.946.178 | 614.406.604.463 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 284.509.042.077 | 284.191.159.958 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 123.163.779 | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (13.960.496.778) | (6.672.303.178) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 33.827.955.977 | 70.602.980.265 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 553.710.611.233 | 962.528.441.508 |
| - Tăng/giảm các khoản phải thu | 09 | (149.007.241.621) | (60.320.776.423) |
| - Tăng/giảm hàng tồn kho | 10 | 1.608.985.816 | 4.330.329.369 |
| - Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | (8.661.517.089) | (8.995.370.444) |
| - Tăng/giảm chi phí trả trước | 12 | (100.736.092) | 827.712.428 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (38.395.499.885) | (70.972.089.572) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (17.392.069.878) | (24.332.369.894) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 22.600.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (7.710.915.486) | (6.469.676.728) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 334.051.616.998 | 796.618.800.244 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (16.010.488.085) | (24.004.073.458) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 22 | 95.063.704 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (55.000.000.000) | (200.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 255.000.000.000 | - |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 15.023.839.999 | 5.687.708.015 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 199.108.415.618 | (218.316.365.443) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 33.790.830.519 | 18.824.839.297 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (369.024.526.557) | (522.091.907.371) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (350.905.554.925) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (686.139.250.963) | (503.267.068.074) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (152.979.218.347) | 75.035.366.727 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 245.644.092.556 | 170.608.725.829 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 92.664.874.209 | 245.644.092.556 |

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Từ ngày 12/01/2024, Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 117 người (tại ngày 31/12 2022 là 116 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cụ thể như sau:

| | Năm |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 |
| Máy móc thiết bị | 06 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 15 |
| Thiết bị quản lý | 03 - 05 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khắc phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm tài chính do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hòa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong kỳ được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>31/12/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 175.082.652 | 27.661.377 |
| Tiền gửi ngân hàng | 6.689.791.557 | 65.568.729.050 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 85.800.000.000 | 180.047.702.129 |
| Cộng | <u>92.664.874.209</u> | <u>245.644.092.556</u> |

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 01 tháng, lãi suất từ 2,3%/năm đến 4,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | <u>31/12/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 345.887.497.962 | 199.025.954.761 |
| Các khách hàng khác | 11.152.131 | 4.503.419 |
| Cộng | <u>345.898.650.093</u> | <u>199.030.458.180</u> |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | <u>31/12/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty CP Tư vấn Xây Dựng & Kiểm định Anh Phương | 475.204.938 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát | 898.923.545 | 411.466.380 |
| Công ty Cổ phần Đại Tam Sơn | 980.704.896 | - |
| Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long | 323.301.900 | 323.301.900 |
| Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hoàng Trường An | 326.212.866 | 52.007.602 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.453.646.334 | 1.699.804.873 |
| Cộng | <u>4.457.994.479</u> | <u>2.486.580.755</u> |

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 20.421.090.130 | - | 21.306.265.278 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.500.000 | - | 15.873.820 | - |
| Cộng | 20.422.590.130 | - | 21.322.139.098 | - |

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện | 35.433.004.894 | 28.207.648.414 |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 1.641.076.357 | 1.295.982.054 |
| Chi phí xây dựng khác | 842.534.717 | 2.840.413.936 |
| Cộng | 37.916.615.968 | 32.344.044.404 |

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi vay dự trả | 3.654.499.703 | 8.565.765.897 |
| Chi phí phải trả nhà thầu | 1.058.963.062 | 2.295.659.495 |
| Chi phí phải trả khác | 550.451.924 | 738.781.978 |
| Cộng | 5.263.914.689 | 11.600.207.370 |

11. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 7.552.611.906 | 18.418.505.932 |
| Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (*) | 5.057.397.009 | 17.740.098.787 |
| Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm | 175.012.939 | 92.302.484 |
| Cổ tức phải trả | 1.942.760.075 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 377.441.883 | 586.104.661 |
| Dài hạn | 490.652.152 | 418.946.277 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 490.652.152 | 418.946.277 |
| Cộng | 8.043.264.058 | 18.837.452.209 |

(*) Phản ánh số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | TSCĐ khác | Cộng VND |
|---|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------|--------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 4.510.171.312.619 | 1.344.127.123.215 | 10.283.182.325 | 6.263.490.543 | - | 5.870.845.108.702 |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | 4.558.491.017 | 20.598.601.523 | - | - | - | 25.157.092.540 |
| Mua trong năm | 42.500.000 | 30.909.091 | 1.459.431.818 | 75.759.091 | 85.000.000 | 1.693.600.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (543.970.000) | - | - | (543.970.000) |
| Tại ngày 31/12/2023 | 4.514.772.303.636 | 1.364.756.633.829 | 11.198.644.143 | 6.339.249.634 | 85.000.000 | 5.897.151.831.242 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 1.796.566.628.420 | 831.982.168.261 | 6.474.029.621 | 5.437.763.851 | - | 2.640.460.590.153 |
| Khấu hao trong năm | 183.834.974.859 | 100.137.942.357 | 554.829.691 | 366.581.498 | 12.608.336 | 284.906.936.741 |
| Giảm do thanh lý, nhượng bán | - | - | (543.970.000) | - | - | (543.970.000) |
| Tại ngày 31/12/2023 | 1.980.401.603.279 | 932.120.110.618 | 6.484.889.312 | 5.804.345.349 | 12.608.336 | 2.924.823.556.894 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 2.713.604.684.199 | 512.144.954.954 | 3.809.152.704 | 825.726.692 | - | 3.230.384.518.549 |
| Tại ngày 31/12/2023 | 2.534.370.700.357 | 432.636.523.211 | 4.713.754.831 | 534.904.285 | 72.391.664 | 2.972.328.274.348 |
| Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng | 7.040.481.342 | 3.266.951.067 | 4.320.642.598 | 5.090.152.509 | - | 19.718.227.516 |

Như đã trình bày ở thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Bên liên quan | | | | |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 298.938.239 | 298.938.239 | - | - |
| Phải trả người bán khác | | | | |
| Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát | 2.201.709.735 | 2.201.709.735 | 1.113.918.596 | 1.113.918.596 |
| Công ty Cổ phần Truyền dẫn Long Biên | 11.710.183.142 | 11.710.183.142 | 541.714.000 | 541.714.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thuận Phong | 1.277.813.910 | 1.277.813.910 | - | - |
| Các nhà cung cấp khác | 8.157.426.022 | 8.157.426.022 | 7.057.629.264 | |
| Cộng | 23.646.071.048 | 23.646.071.048 | 8.713.261.860 | 1.655.632.596 |

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2023 | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | 31/12/2023 |
|--------------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 64.239.441.338 | 64.239.441.338 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.315.541.501 | 12.688.824.250 | 17.392.069.878 | 4.612.295.873 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 50.201.536 | 3.517.255.610 | 2.868.229.215 | 699.227.931 |
| Thuế tài nguyên nước | - | 57.320.813.909 | 57.320.813.909 | - |
| Phí bảo vệ môi trường rừng | - | 28.633.342.464 | 22.727.381.004 | 5.905.961.460 |
| Phí cấp quyền sử dụng nước mặt | - | 9.365.469.000 | 9.365.469.000 | - |
| Các loại thuế, phí khác | - | 234.500.001 | 234.500.001 | - |
| Cộng | 9.365.743.037 | 175.999.646.572 | 174.147.904.345 | 11.217.485.264 |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 88.591.084.002 | 296.625.037.971 |
| Vay ngắn hạn (15.1) | 11.724.360.938 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (15.1) | 76.866.723.064 | 147.125.037.971 |
| Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả | - | 149.500.000.000 |
| Dài hạn | 90.435.371.811 | 217.135.113.880 |
| Vay dài hạn (15.2) | 90.435.371.811 | 217.135.113.880 |
| Cộng | 179.026.455.813 | 513.760.151.851 |

15.1 Chi tiết vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | 01/01/2023 | | Trong năm | | 31/12/2023 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | - | - | 33.790.830.519 | 22.066.469.581 | 11.724.360.938 | 11.724.360.938 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1) | - | - | 33.790.830.519 | 22.066.469.581 | 11.724.360.938 | 11.724.360.938 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 147.125.037.971 | 147.125.037.971 | 126.699.742.069 | 196.958.056.976 | 76.866.723.064 | 76.866.723.064 |
| Ngân hàng TMCP An Bình (2) | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (3) | 18.398.359.411 | 18.398.359.411 | 20.545.086.717 | 22.076.723.064 | 16.866.723.064 | 16.866.723.064 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 32.774.678.560 | 32.774.678.560 | 28.163.536.376 | 60.938.214.936 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 35.952.000.000 | 35.952.000.000 | 17.991.118.976 | 53.943.118.976 | - | - |
| Cộng | 147.125.037.971 | 147.125.037.971 | 160.490.572.588 | 219.024.526.557 | 88.591.084.002 | 88.591.084.002 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15.2 Chi tiết vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | 01/01/2023 | | Trong năm | | 31/12/2023 | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP An Bình (2) | 124.984.560.000 | 124.984.560.000 | - | 60.000.000.000 | 64.984.560.000 | 64.984.560.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (3) | 45.995.898.528 | 45.995.898.528 | - | 20.545.086.717 | 25.450.811.811 | 25.450.811.811 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 28.163.536.376 | 28.163.536.376 | - | 28.163.536.376 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 17.991.118.976 | 17.991.118.976 | - | 17.991.118.976 | - | - |
| Cộng | 217.135.113.880 | 217.135.113.880 | - | 126.699.742.069 | 90.435.371.811 | 90.435.371.811 |

Thông tin các hợp đồng vay của Công ty như sau:

| TT | Ngân hàng | Số hợp đồng | Hạn mức (tỷ đồng) | Mục đích | Thời hạn | Lãi suất tại 31/12/2023 | Tài sản đảm bảo |
|-----|---|---|-------------------|---|--|-------------------------|---|
| (1) | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh | 05/2023/HĐHM/V CB-HUANA ngày 16/11/2023 | 40,00 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh | 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng | 4,50% | Không có tài sản đảm bảo |
| (2) | Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội | 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 | 20,00 | Thanh toán các chi phí thi công của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hủa Nà | Từ năm 2015 đến năm 2024 | 8,00% | Máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án và bảo lãnh của Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP |
| | | 182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016 | 104,98 | Tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Nà | Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2026 | 7,00% | Giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP |
| (3) | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | MMD2021133925 90/HĐTD ngày 25/05/2021 | 42,32 | Trả nợ nhà thầu, thanh toán chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (dự án thủy điện Hủa Nà) | 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên | 8,10% | Bảo lãnh thanh toán của TCT điện lực Dầu khí Việt Nam và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Techcombank |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2022 | 2.352.322.103.444 | 64.985.781.295 | 12.318.667.089 | 352.337.056.794 | 2.781.963.608.622 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 583.473.805.281 | 583.473.805.281 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (7.629.990.000) | (7.629.990.000) |
| Giảm khác | - | - | (114.146.154) | - | (114.146.154) |
| Tại ngày 01/01/2023 | 2.352.322.103.444 | 64.985.781.295 | 12.204.520.935 | 928.180.872.075 | 3.357.693.277.749 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 236.522.121.928 | 236.522.121.928 |
| Trích quỹ đầu tư và phát triển (*) | - | - | 58.347.380.528 | (58.347.380.528) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - | - | (13.675.140.000) | (13.675.140.000) |
| Trích quỹ thưởng người quản lý (*) | - | - | - | (777.600.000) | (777.600.000) |
| Chi cổ tức bằng tiền (*) | - | - | - | (352.848.315.000) | (352.848.315.000) |
| Tại ngày 31/12/2023 | 2.352.322.103.444 | 64.985.781.295 | 70.551.901.463 | 739.054.558.475 | 3.226.914.344.677 |

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 26/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|--------------------------|-------------|--------------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| | VND | % | VND | % |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 1.898.727.600.000 | 80,72% | 1.898.727.600.000 | 80,72% |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á | 115.500.000.000 | 4,91% | 115.500.000.000 | 4,91% |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội | 105.000.000.000 | 4,46% | 105.000.000.000 | 4,46% |
| Tổng công ty Lắp máy Việt Nam | 87.200.270.000 | 3,71% | 87.200.270.000 | 3,71% |
| Các cổ đông khác | 145.894.230.000 | 6,20% | 145.894.230.000 | 6,20% |
| Cộng | 2.352.322.100.000 | 100% | 2.352.322.100.000 | 100% |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 235.232.210 | 235.232.210 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 235.232.210 | 235.232.210 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 235.232.210 | 235.232.210 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 235.232.210 | 235.232.210 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 235.232.210 | 235.232.210 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán điện | 661.994.144.806 | 1.059.121.978.475 |
| Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước | 86.758.670.847 | 116.470.458.077 |
| Cộng | 748.752.815.653 | 1.175.592.436.552 |

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Giá vốn sản xuất điện | 358.894.753.933 | 351.058.534.588 |
| Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước | 86.758.670.847 | 116.470.458.077 |
| Cộng | 445.653.424.780 | 467.528.992.665 |

19. DOANH THU TÀI CHÍNH

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|------------------------|-----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 13.865.433.074 | 6.672.303.178 |
| Cộng | 13.865.433.074 | 6.672.303.178 |

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 33.327.955.977 | 69.102.980.265 |
| Phí bảo lãnh các hợp đồng vay | 271.762.035 | 1.444.836.880 |
| Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu | 500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Chi phí tài chính khác | 156.277.714 | - |
| Cộng | 34.255.995.726 | 72.047.817.145 |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân công | 21.672.690.571 | 19.143.772.671 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 883.849.996 | 712.650.981 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.373.057.275 | 1.356.883.751 |
| Thuế, phí và lệ phí | 82.445.696 | 4.065.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.643.555.634 | 2.384.741.538 |
| Chi phí khác bằng tiền | 6.709.327.140 | 4.450.987.814 |
| Cộng | 33.364.926.312 | 28.053.101.755 |

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 10.801.939.482 | 11.754.973.293 |
| Chi phí nhân công | 51.650.958.999 | 49.363.012.615 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 284.509.042.077 | 284.191.159.958 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 27.518.474.276 | 21.194.094.406 |
| Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường rừng và phí cấp | 86.758.670.847 | 116.470.458.077 |
| Chi phí khác bằng tiền | 17.779.265.411 | 12.608.396.071 |
| Cộng | 479.018.351.092 | 495.582.094.420 |

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 249.210.946.178 | 614.406.604.463 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| - Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| - Cộng: Các khoản chi phí không được trừ | 4.425.787.468 | 4.229.814.627 |
| Thu nhập chịu thuế | 253.636.733.646 | 618.636.419.090 |
| - Thuế suất | 10% | 10% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập | 25.363.673.365 | 61.863.641.909 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | (12.681.836.683) | (30.931.820.955) |
| - Thuế TNDN bổ sung của các năm trước | 6.987.568 | 978.227 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 12.688.824.250 | 30.932.799.182 |

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có kết quả kiểm tra chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 236.522.121.928 | 583.473.805.281 |
| Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi | - | (14.452.740.000) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 236.522.121.928 | 569.021.065.281 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 235.232.210 | 235.232.210 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.005 | 2.419 |

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2023, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào việc trích các quỹ của công ty từ lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được điều chỉnh lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 26/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 26/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

| Bên liên quan | Mối liên hệ |
|--|---------------------------|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Chủ sở hữu của công ty mẹ |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Cùng chủ sở hữu |

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Phí bảo lãnh | | |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 271.762.035 | 1.444.836.880 |
| Phí nhãn hiệu | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 6.144.066.045 | 1.385.750.526 |
| Mua hàng | | |
| Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 2.119.207.794 | 907.185.369 |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Năm 2023 | Năm 2022 |
|------------------------|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | | VND | VND |
| Ông Hoàng Xuân Thành | Chủ tịch HĐQT | 1.148.764.495 | 1.175.607.678 |
| Ông Lê Hải Long | Ủy viên HĐQT | 137.111.111 | 101.000.000 |
| Ông Vũ Văn Tâm | Ủy viên HĐQT | 137.111.111 | 101.000.000 |
| Ông Trịnh Bảo Ngọc | Giám đốc, ủy viên HĐQT | - | 1.185.471.777 |
| Ông Bùi Huy Thành | Giám đốc, ủy viên HĐQT | 1.098.987.573 | 1.071.387.348 |
| Ông Nguyễn Xuân Sơn | Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc | 1.067.795.747 | 1.072.208.621 |
| Ông Đoàn Văn Trường | Phó Giám đốc | 1.033.879.540 | 1.037.916.555 |
| Ông Nguyễn Trọng Thạch | Phó Giám đốc | 1.033.985.950 | 801.254.210 |
| Cộng | | 5.657.635.527 | 6.545.846.188 |

27. THÔNG TIN KHÁC

Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát chi trả trong năm là:

| Họ và tên | Chức vụ | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | | VND | VND |
| Ông Võ Trung Chính | Trưởng ban kiểm soát | 1.007.437.695 | 270.202.645 |
| Bà Trần Thị Thu Hà | Trưởng ban kiểm soát | - | 770.032.622 |
| Ông Văn Tuấn Thạch | Thành viên Ban Kiểm soát | 50.755.556 | 74.000.000 |
| Ông Lê Đình Hiệu | Thành viên Ban Kiểm soát | 44.800.000 | - |
| Bà Lê Văn Anh | Thành viên Ban Kiểm soát | 101.555.556 | 3.818.182 |
| Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 70.181.818 |
| Cộng | | 1.204.548.807 | 1.188.235.266 |

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

Số: 236 /TT-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua kế hoạch tài chính năm 2024
của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hũa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na;

Căn cứ quyết định số 61/QĐ-HHC-HĐQT ngày 25/9/2023 về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na, bao gồm:

- Kế hoạch tài chính năm 2024 (Phụ lục 01 kèm theo).
- Dòng tiền năm 2024 (Phụ lục 02 kèm theo).

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



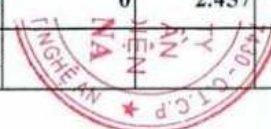
Hoàng Xuân Thành

PHỤ LỤC 02: BẢNG CÂN ĐỐI DÒNG TIỀN HỮA NA NĂM 2024

Kèm theo Tờ trình số /TTr-HHC-HDQT ngày / /2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Các chỉ tiêu kế hoạch | Kế hoạch năm 2024 | | | | | | | | | | | | | Ghi chú/ Diễn giải |
|------|--|-------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|----------|----------|----------|-----------------------|
| | | Tổng cộng | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | Tháng 12 | |
| A | SỐ DƯ ĐẦU KỶ | 92.665 | 92.665 | 146.627 | 211.914 | 195.329 | 223.696 | 258.201 | 150.037 | 161.240 | 209.242 | 247.417 | 67.059 | 166.471 | |
| B | SỐ THU TRONG KỶ (I+II+III) | 1.345.290 | 129.319 | 87.737 | 29.273 | 49.835 | 55.546 | 412.000 | 58.223 | 72.548 | 81.211 | 94.053 | 127.212 | 148.334 | |
| 1 | Thu từ NM điện Hòa Na | 851.663 | 129.075 | 87.519 | 28.992 | 41.340 | 45.687 | 68.953 | 45.687 | 51.858 | 51.609 | 64.275 | 106.854 | 129.814 | |
| 1.1 | Sản lượng điện (triệu kWh) | 619,59 | 30,88 | 34,19 | 37,74 | 35,46 | 38,84 | 41,59 | 51,80 | 83,31 | 98,23 | 80,76 | 49,66 | 37,13 | |
| 1.2 | Doanh thu bán điện chưa VAT NM thủy điện Hòa Na | 740.583 | 37.582 | 41.534 | 62.684 | 41.533 | 47.143 | 46.918 | 58.432 | 97.140 | 118.013 | 90.769 | 56.436 | 42.399 | |
| 1.3 | VAT Hòa Na | 74.058 | 3.758 | 4.153 | 6.268 | 4.153 | 4.714 | 4.692 | 5.843 | 9.714 | 11.801 | 9.077 | 5.644 | 4.240 | |
| 2 | Thu từ NM điện Nậm Non | 33.705 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5.339 | 9.725 | 8.253 | 10.389 | |
| 2.1 | Sản lượng điện (triệu kWh) | 29,93 | | | | | | | 3,70 | 6,74 | 5,72 | 7,20 | 3,70 | 2,87 | |
| 2.2 | Doanh thu bán điện chưa VAT NM thủy điện Nậm Non | 39.259 | | | | | | | 4.853 | 8.841 | 7.503 | 9.444 | 4.853 | 3.765 | |
| 2.3 | VAT Nậm Non | 3.926 | | | | | | | 485 | 884 | 750 | 944 | 485 | 376 | |
| II | Thu hoạt động tài chính | 459.922 | 244 | 217 | 281 | 8.494 | 9.859 | 343.047 | 12.537 | 20.691 | 24.263 | 20.053 | 12.105 | 8.132 | |
| 1 | Lãi tiền gửi | 3.482 | 244 | 217 | 281 | 261 | 284 | 331 | 306 | 298 | 337 | 401 | 152 | 369 | |
| 2 | Vay vốn lưu động | 121.440 | 0 | 0 | 0 | 8.233 | 9.575 | 7.716 | 12.230 | 20.392 | 23.926 | 19.652 | 11.953 | 7.763 | |
| 3 | Vay dài hạn | 335.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 335.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| C | SỐ CHI TRONG KỶ (I+II+...+XI) | 1.225.171 | 75.357 | 22.449 | 45.858 | 21.468 | 21.041 | 520.164 | 47.020 | 24.546 | 43.037 | 274.411 | 27.800 | 102.021 | |
| I | Thanh toán chi phí O& M khác | 46.075 | 3.733 | 3.859 | 3.848 | 3.848 | 3.848 | 3.848 | 3.848 | 3.848 | 3.848 | 3.848 | 3.848 | 3.848 | |
| II | Thanh toán chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy | 36.846 | 2.401 | 533 | 5.543 | 3.201 | 0 | 11.044 | 2.401 | 0 | 5.543 | 0 | 266 | 5.911 | |
| III | Thanh toán chi phí tài chính | 141.639 | 36.211 | 0 | 0 | 44 | 98 | 21.260 | 23.840 | 321 | 8.627 | 10.038 | 8.187 | 33.012 | |
| IV | Thanh toán chi phí mua công cụ dụng cụ | 6.033 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | |
| V | Thanh toán các khoản thuế, phí của Nhà máy thủy điện Hòa Na | 125.427 | 11.505 | 8.080 | 19.350 | 8.233 | 9.575 | 7.228 | 7.063 | 11.359 | 13.393 | 17.810 | 6.771 | 5.062 | |
| VI | Thanh toán tiền lương và các khoản trích nộp theo lương, thưởng VHAT | 53.814 | 13.453 | 2.466 | 5.381 | 3.363 | 2.466 | 2.466 | 3.498 | 2.466 | 2.466 | 3.498 | 2.466 | 9.821 | |
| VII | Thanh toán các dịch vụ mua ngoài và CP bằng tiền | 10.212 | 3.000 | 2.457 | 0 | 0 | 0 | 1.313 | 0 | 2.457 | 0 | 0 | 0 | 985 | |
| VIII | Chi đầu tư và mua TSCĐ, thiết bị, phương tiện | 25.843 | | | 4.406 | | | 14.625 | | | 2.559 | | | 4.253 | |



| STT | Các chỉ tiêu kế hoạch | Kế hoạch năm 2024 | | | | | | | | | | | | Ghi chú/ Diễn giải | |
|-----|--|-------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|----------------|-----------------------|----------|
| | | Tổng cộng | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | | Tháng 12 |
| IX | Chi Nhà máy thủy điện Nậm Nơn | 444.941 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 402.000 | 1.316 | 1.316 | 3.821 | 1.207 | 1.207 | 34.075 | |
| 1 | Chi mua nhà máy thủy điện Nậm Nơn | 402.000 | | | | | | 402.000 | | | | | | | |
| 2 | Chi phí tài chính của NM Nậm Nơn | 30.690 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 30.690 | |
| 3 | Chi phí O&M (Lương và chi phí QLVH) của NM Nậm Nơn | 7.569 | | | | | | | 1.316 | 1.316 | 1.316 | 1.207 | 1.207 | 1.207 | |
| 4 | Thanh toán các khoản thuế, phí của NM Nậm Nơn | 4.683 | | | | | | | | | 2.505 | | | 2.178 | |
| X | Chi trả cổ tức (10%) | 235.232 | | | | | | | | | | 235.232 | | | |
| XI | Chi cho hoạt động dự án | 99.109 | 4.551 | 4.551 | 6.826 | 2.275 | 4.551 | 55.875 | 4.551 | 2.275 | 2.275 | 2.275 | 4.551 | 4.551 | |
| D | CÂN ĐỐI SỐ DƯ CUỐI KỶ (A+B-C) | 212.784 | 146.627 | 211.914 | 195.329 | 223.696 | 258.201 | 150.037 | 161.240 | 209.242 | 247.417 | 67.059 | 166.471 | 212.784 | |

Số: 237/TT-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông Kế hoạch tiền lương/thù lao chi phí hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty như sau:

1. Tình hình tiền lương/thù lao, thu nhập và chi phí hoạt động năm 2023 của HĐQT, BKS

| TT | Nội dung | Thực hiện 2023 (VNĐ) | Ghi chú |
|-----|---|----------------------|---------|
| 1 | Thu nhập HĐQT, BKS chuyên trách (bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác được hưởng theo quy định) | 4.322.985.510 | |
| 1.1 | Chủ tịch HĐQT | 1.148.764.495 | |
| 1.2 | Thành viên HĐQT, Giám đốc | 1.098.987.573 | |
| 1.3 | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc | 1.067.795.747 | |
| 1.4 | Trưởng Ban kiểm soát | 1.007.437.695 | |
| 2 | Thù lao HĐQT, BKS kiêm nhiệm | 471.333.334 | |
| 2.1 | Thành viên HĐQT (02 người) | 274.222.222 | |
| 2.2 | Kiểm soát viên (02 người) | 197.111.112 | |
| 3 | Chi phí hoạt động | 359.859.692 | |
| | Cộng | 5.154.178.536 | |



2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2024

2.1. Kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm và chi phí chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024

| TT | Nội dung | Đơn giá (VNĐ) | Số tháng | Số người | Thành tiền (VNĐ) |
|------------------|---|---------------|----------|----------|--------------------|
| 1 | Thù lao | | | | 336.000.000 |
| 1.1 | Thành viên HĐQT | 8.000.000 | 12 | 02 | 192.000.000 |
| 1.2 | Ủy viên Ban KS | 6.000.000 | 12 | 02 | 144.000.000 |
| 2 | Chi phí hoạt động | | | | 635.000.000 |
| 2.1 | Chi phí đi lại | | | | 240.000.000 |
| 2.2 | Chi phí hội nghị | | | | 115.000.000 |
| 2.3 | Chi phí khác | | | | 130.000.000 |
| 2.4 | Chi phí làm việc của HĐQT với các cơ quan ban ngành | | | | 150.000.000 |
| Tổng cộng | | | | | 971.000.000 |

Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: tiền thưởng, phúc lợi,... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

2.2. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2024 của HĐQT và BKS làm việc theo chế độ chuyên trách

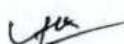
| STT | Chức danh (chuyên trách) | Số người | Tổng tiền lương trước thuế (VNĐ) |
|------------------|--------------------------|----------|----------------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 920.687.336 |
| 2 | Thành viên HĐQT, GĐ | 1 | 881.056.412 |
| 3 | Thành viên HĐQT, PGĐ | 1 | 841.008.393 |
| 4 | Trưởng Ban Kiểm soát | 1 | 800.960.374 |
| Tổng cộng | | 4 | 3.443.712.515 |

- Việc xác định tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của HĐQT, BKS năm 2024: Thực hiện theo quy định của Nhà nước (Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước), theo Quy chế trả lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổng tiền lương kế hoạch trước thuế của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: Thường an toàn, các khoản tiền thưởng, phúc lợi,.... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Hoàng Xuân Thành



Số: 238 /TT-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ quyết định số 61/QĐ-HHC-HĐQT ngày 25/9/2023 về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 với các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

ĐVT: VNĐ

| TT | Nội dung | Phân phối lợi nhuận 2023 | | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|-----------------|---------|
| | | Mức trích | Số tiền | |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2023 | | 739.054.558.475 | |
| 1.1 | Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2022 chuyển sang | | 502.532.436.547 | |
| 1.2 | Lợi nhuận sau thuế năm 2023 | | 236.522.121.928 | |

| TT | Nội dung | Phân phối lợi nhuận 2023 | | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|------------------------|--------------------------------|
| | | Mức trích | Số tiền | |
| 2 | Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023 | | 279.979.485.946 | |
| 2.1 | Trích Quỹ đầu tư và phát triển | 10% | 23.652.212.193 | |
| 2.2 | Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 06 tháng lương BQ NLD | 20.269.722.155 | Lương BQ NLD: 3.378.287.026 |
| 2.3 | Trích quỹ thưởng người quản lý | 1,5 tháng lương BQ NQL | 825.341.598 | Lương BQ NQL: 550.227.732 |
| 2.4 | Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền | 10% | 235.232.210.000 | = 10%*VDL |
| 3 | Lợi nhuận còn lại sau phân phối | | 459.075.072.529 | |

2. Ủy quyền cho HĐQT Công ty xem xét quyết định:

Lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức phù hợp với khả năng cân đối dòng tiền của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

Nghệ An, ngày 01 tháng 4 năm 2024

Số: 239/TTr-HHC-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hũa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập ngày 29/3/2011;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na;

Nhằm thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, có tính cạnh tranh. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hũa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, uy tín, trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hũa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

Số: 240/TT-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 14 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương chấp thuận dùng các tài sản: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị động sản thuộc Nhà máy thủy điện Hũa Na để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na;

Căn cứ quyết định số 61/QĐ-HHC-HĐQT ngày 25/9/2023 về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-HHC-HĐQT ngày 15/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na về việc phê duyệt chủ trương tái cấu trúc tài chính để trả nợ trước hạn cho 2 hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 471/ĐLTK-TCKT ngày 20/3/2024 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc tái cấu trúc khoản vay của PVPower HHC tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội.

Nhằm đáp ứng thủ tục vay vốn tái cấu trúc khoản vay của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội và dự kiến vay vốn đầu tư mua Dự án thủy điện Nậm Nơn. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương chấp thuận dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần thủy điện Hũa Na gồm: Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đủ điều kiện thế chấp, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị động sản thuộc Nhà máy thủy điện Hũa Na để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng với các thông tin chính như sau:

- Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đủ điều kiện thế chấp, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị động sản thuộc Nhà máy thủy điện Hũa Na.

- Giá trị tài sản thế chấp (tại ngày 31/12/2023): 2.940.696.844.508 đồng

- Giá trị thế chấp: **604.984.560.000 đồng** (Sáu trăm linh tư tỷ, chín trăm tám mươi tư triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong đó:

| TT | Nội dung | Giá trị (tối đa) | Ghi chú |
|----|--|------------------------|---------|
| 1 | Thế chấp HD vay vốn tái cấu trúc khoản vay của PVPower HHC tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội | 104.984.560.000 | |
| 2 | Thế chấp vay đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Non | 500.000.000.000 | |
| | Tổng cộng | 604.984.560.000 | |

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông

Tên Cổ đông:

Số thứ tự cổ đông:

Số cổ phần sở hữu:

Cổ phần

| TT | Nội dung biểu quyết | Tán thành | Không tán thành | Không có ý kiến |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Hội đồng quản trị | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3 | Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4 | Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5 | Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6 | Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7 | Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8 | Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9 | Tờ trình về việc Thông qua chủ trương chấp thuận dùng các tài sản: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị động sản thuộc Nhà máy thủy điện Hòa Na để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Lưu ý:

- Quý cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào một trong ba ô: "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" hoặc "Không ý kiến" lần lượt từng nội dung biểu quyết.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na ngày 24/4/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na tổ chức vào ngày 24/4/2024 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Hội đồng quản trị. Yêu cầu Công ty thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt công tác quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu năm 2024.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2024.

- Phối hợp với các cấp chính quyền địa phương để sớm hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư.

2. Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, với nội dung chính như sau:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------|---------|---------------|----------------|-----------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6=5/4) |
| 1 | Sản lượng điện | | | | |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 733,47 | 762,78 | 104% |
| 3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 572,09 | 513,57 | 90% |

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | Tỷ lệ (%) |
|-----|--|----------|---------------|----------------|-----------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6=5/4) |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 161,38 | 249,21 | 155% |
| 5 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 8,07 | 12,69 | 157% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 153,31 | 236,52 | 154% |
| 7 | Nộp ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 173,77 | 174,15 | 100% |
| 8 | Giá điện bình quân trước các thuế, phí | Đồng/kWh | 984,96 | 1.127,14 | 114% |
| 9 | Giá điện bình quân sau các thuế, phí (trước VAT) | Đồng/kWh | 1.128,69 | 1.274,82 | 113% |

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na sau khi cập nhật, bổ sung thêm các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, chi phí,... của Nhà máy thủy điện Nậm Non với chỉ tiêu chính như sau:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch SXKD 2024 |
|-----|---------------------------------|---------------|--------------------|
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 649,52 |
| 2 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2.352,32 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 783,93 |
| - | <i>Doanh thu phát điện</i> | Tỷ đồng | 780,44 |
| - | <i>Doanh thu tài chính+khác</i> | Tỷ đồng | 3,48 |
| 4 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 599,25 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 184,67 |
| 6 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 9,23 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 175,44 |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận/VDL | % | 0,08 |
| 9 | Đào tạo | Tỷ đồng | 1,50 |
| 10 | Giá thành (bao gồm thuế phí) | đồng/kWh | 922,61 |
| 11 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 185,80 |
| 12 | Lao động | Người | 135,00 |
| 13 | Quỹ tiền lương, thưởng vận hành | Tỷ đồng | 56,10 |
| 14 | Năng suất lao động bình quân | Tr.d.ng/tháng | 148,62 |
| 15 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,23 |

3. Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2023 và kế hoạch kiểm soát năm 2024 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023.

5. Kế hoạch tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

6. Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

a. Kế hoạch thù lao năm 2024 của HĐQT và BKS kiêm nhiệm.

+ Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 8.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS kiêm nhiệm: 6.000.000 đồng/người/tháng.

b. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2024 của HĐQT và BKS làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Chủ tịch HĐQT: 920.687.336 đồng.

- Thành viên HĐQT, Giám đốc: 881.056.412 đồng.

- Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc: 841.008.393 đồng.

- Trưởng Ban Kiểm soát: 800.960.374 đồng.

c. Kế hoạch chi phí hoạt động năm 2024 của HĐQT, BKS: 635.000.000 đồng

Tổng tiền lương kế hoạch trước thuế của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: Thưởng an toàn, các khoản tiền thưởng, phúc lợi,.... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.

a. Phương án phân phối lợi nhuận

| TT | Nội dung | Phân phối lợi nhuận 2023 | | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|-----------------|---------|
| | | Mức trích | Số tiền (VNĐ) | |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2023 | | 739.054.558.475 | |
| 1.1 | Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2022 chuyển sang | | 502.532.436.547 | |
| 1.2 | Lợi nhuận sau thuế năm 2023 | | 236.522.121.928 | |
| 2 | Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023 | | 279.979.485.946 | |
| 2.1 | Trích Quỹ đầu tư và phát triển | 10% | 23.652.212.193 | |

| TT | Nội dung | Phân phối lợi nhuận 2023 | | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|------------------------|--------------------------------|
| | | Mức trích | Số tiền (VNĐ) | |
| 2.2 | Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 06 tháng lương BQ NLD | 20.269.722.155 | Lương BQ NLD: 3.378.287.026 |
| 2.3 | Trích quỹ thưởng người quản lý | 1,5 tháng lương BQ NQL | 825.341.598 | Lương BQ NQL: 550.227.732 |
| 2.4 | Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền | 10% | 235.232.210.000 | = 10%*VDL |
| 3 | Lợi nhuận còn lại sau phân phối | | 459.075.072.529 | |

b. Ủy quyền cho HĐQT Công ty xem xét lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức phù hợp với khả năng cân đối dòng tiền, đảm bảo thời gian chi trả theo đúng quy định.

8. Thông qua Danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

9. Thông qua chủ trương chấp thuận dùng các tài sản: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị động sản thuộc Nhà máy thủy điện Hòa Na để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng.

Điều 3. Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông (để b/c);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**